TRI TÂN

GIÁ BÁO : Mỗi số 12 xu

3 tháng : 1p.50 — 6 tháng : 2p.80 — cả năm : 5p.50

Công-sở và ngoại-quốc : giá gấp đôi

Thư và ngân phiếu gửi cho ông

Nguyễn-Tường-Phượng, 349, Phố Huế, Hanoi

SO 1 — 3 JUIN 1941

TRONG SỐ NÀY :

Quốc hiệu nước ta... *Nguyễn-văn-Tố*

Đẹp... *Đỗ-huy-Nhiệm*

Tháp Báo-Thiên *Tiên-Đàm*

Thơ Lý Bạch *Hoa-Bằng*

Kim vân Kiều lục *Trúc Khê*

Phần thưởng văn-chương Nobel *Nhân-Nghĩa*

Vấn-đề Thái-bình-Dương *Nguyễn huyền Tĩnh*

Rudolf Hess *Nhật Nham*

và nhiều bài đặc-sắc khác nữa

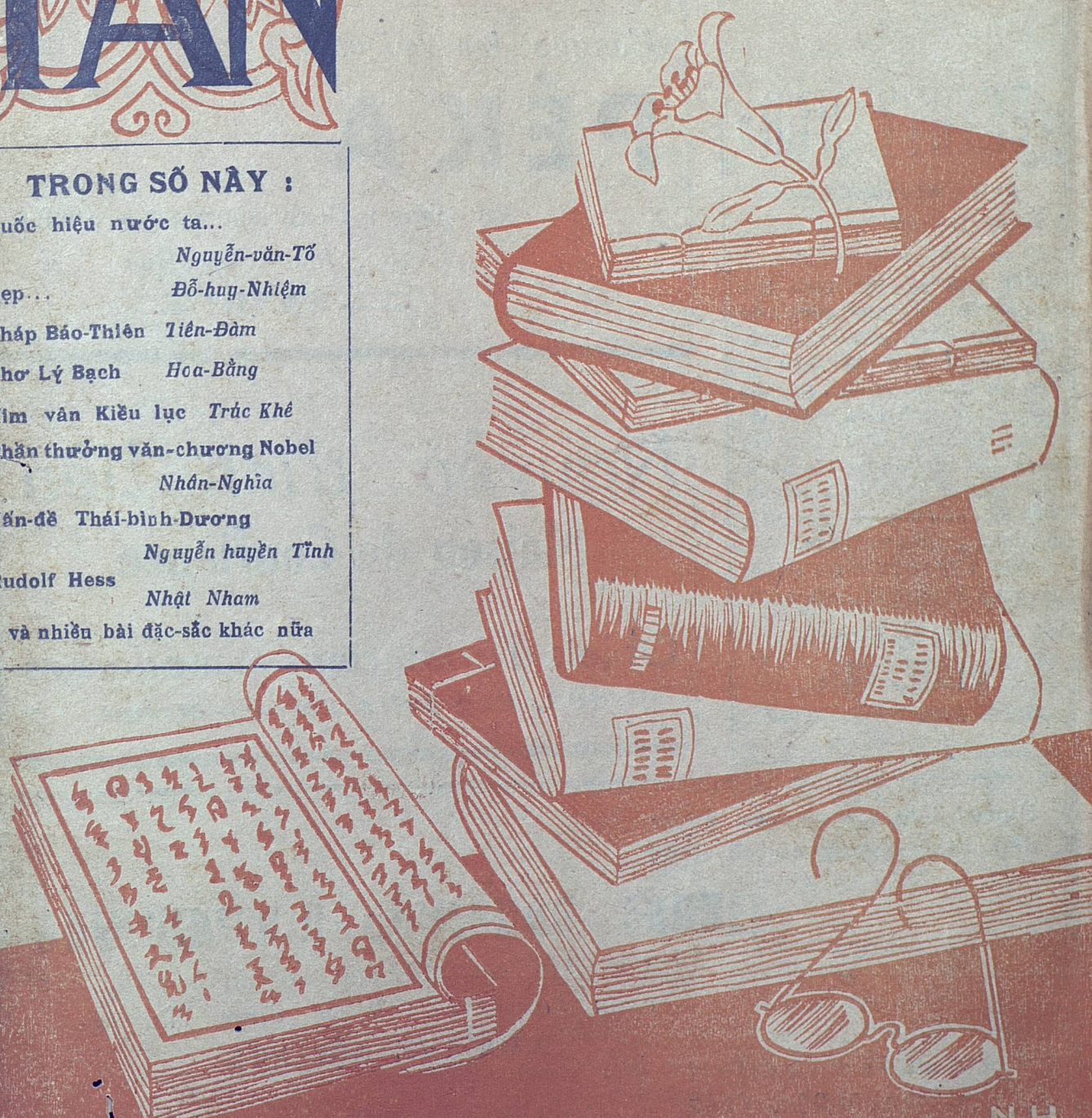

TẠP CHÍ VĂN HOÁ RA NGÀY THỨ BA HÀNG TUẦN

Tiếng Anh rất cần trong lúc này. Muốn học tiếng Anh một mình, chỉ nên mua quyển :

MANUEL DE CONVERSATION

EN ANGLAIS, FRANCAIS et ANNAMITE

Sách tự học tiếng Anh theo cách chóng biết nói

Soạn-giả DƯƠNG-TỰ-NGUYÊN

có bằng tốt nghiệp cao đẳng về tiếng Anh.
Từng làm giáo-sư về tiếng ấy trong 10 năm

Một quyển sách tự học tiếng Anh tốt nhất, vì đúng giọng, hợp mẹo, dễ học và mau tấn tới

140 trang, giá 0p.60. Cước thường 0p.10. Gửi cho hiệu sách Đông-Tây, 195 phố hàng Bông — Hanoi

ĐÓN COI :

Chế-độ thi võ	*Tiên-Đàm*
Mẹo tiếng ta	*Đào-duy-Anh*
Việt-nam văn-học-sử	*Hoa-Bằng*
Một nữ-anh-hùng hạ thành Cổ-lộng	*Chu-Thiên*
Người minh sang ở Tầu	*Trần-hàm-Tấn*
Tơ nhân-tạo	*Bạch-Diện*
Phong-dao (chia loại và giải nghĩa)	*H. B.*

và nhiều bài khác nữa.

Bông thuốc

«BEAUTY D'OR»

CHỮA BỆNH HÔI NÁCH

Hôi nách là một bệnh làm cho các bạn lúc nào cũng bực mình về sự không được vệ-sinh.

Chúng tôi mới chế theo lối hóa-học thứ thuốc này, khi nào thấy hôi ở nách xông ra thì lấy bông « BEAUTY D'OR » tẩm vào nước cho ướt rồi lau vào nách, các bạn sẽ thấy sức mạnh ấy biến hết, nếu bạn nào mới mắc, chỉ dùng 1 gói là khỏi hẳn.

Bông « BEAUTY D'OR » một gói dùng được 10 lần, giá 0p.50.

BÁN TẠI HIỆU

VĨNH-TÂN

25, Phố Hàng Trống — Hanoi

Exigez les tricots

PÉKA

En gros : Établissements PÉKA

186, Route de Hué

HANOI

Nguyễn đình Liên

Maison de Confiance

Objets d'art anciens et modernes

108, Rue Jules Ferry — Hanoi

Người lịch sự và yêu nước đều thích uống và cổ động

CHÈ ĐỒNG-LƯƠNG

Một thứ chè nội hóa có danh tiếng, ngon hơn chè Tầu và được bầu là

VUA CHÈ NỘI HÓA

Có chi-cục và đại-lý tại toàn cõi Đông-Pháp

PHI LỘ

Thì giờ đã đến !

Nhìn vào tận mặt hiện tại ? Bề bộn bao việc cần phải làm !

Chính-trị ? Món chuyên môn đó đã có các nhà đương đạo.

« Ôn cũ ! Biết mới ! » Nhằm cái đích ấy, TRI-TÂN riêng đi con đường **Văn-hóa**.

Với cặp kính khảo cứu, TRI-TÂN lần dở từng trang lịch-sử;

Bằng con mắt nhận chân và lạc-quan, TRI-TÂN ngó rộng « chân trời » tri-thức ;

Ghé vai gánh gạch, xe vôi, TRI-TÂN đứng vào hàng-ngũ công-binh, xây dựng lâu đài Văn-Hóa nam-việt.

Dầu vậy, TRI-TÂN không bo bo nhốt tư tưởng riêng một quê hương ; mạnh bạo tiến bước trên đường « chân lý ».

Là tấm lụa bạch, TRI-TÂN chỉ viết những hàng chữ chân phương, ngay thẳng, không tự hoặc bị nhuộm một màu sắc nào.

Giờ là bao giờ ? Không phải là lúc nói phiếm nữa. Xin bắt tay vào việc.

Tri Tân

QUỐC HIỆU NƯỚC TA

Không nên gọi là An-nam

của Ứng Hòe Ng. v. TỐ

TRONG một tập thư cũ của Hội Truyền-giáo xuất-bản tại Paris năm 1821 (*Nouvelles Lettres édifiantes des Missions de la Chine et des Indes orientales, quyển VI trang X*) có một câu rằng : «Vua trị-vì bây giờ (là vua Gia-long, 1802-1819) đã đổi tên *An-nam* làm tên *Việt-nam* và đã cấm dùng tên *An-nam*». (1)

Tại sao ?

Tại *An-nam* là tên của Tầu đặt cho tự ngày nội thuộc ; nếu người mình đem ra dùng khi nói chuyện hay viết sách viết báo, thì thế nào cũng có cái vẻ thần-phục : xem quyển *An-nam chí-lược* của Lê-Tắc cũng đủ biết.

Quyển *Từ - nguyên* chép « đời thượng-cổ An-nam là đất trăm nước Việt ; tự nhà Tần, nhà Hán đến nhà Đường, vào bản đồ Trung-quốc ; nhà Đường đặt An-nam đô-hộ-phủ ở Giao-châu : tên nước An-nam thực bởi đấy mà khởi ra ».

Quyển *Việt-Nam tự-điển* (trang 5) của Hội Khai-trí-tiến-đức lại nói « đến đời Trần mới lấy làm tên nước » : như thế thì sai, vì quyển *Đại-Nam quốc-sử diễn-ca* có chua ở mục « Quốc - hiệu thông - khảo » một câu rằng : 李英宗時, 宋改交阯郡爲安南國, 稱國始此 « Thời Lý-Anh-Tôn (1138 - 1175) nhà Tống đổi quận Giao-chỉ làm An-nam quốc, xưng quốc mới tự đây ».

Sách Tầu cũng chép như thế : bộ *Văn-hiến thông-khảo* (quyển 330, trang 27) nói vua Cao-Tôn nhà Tống thấy vua Thiên-Tộ nhà Lý (Lý Anh-Tôn) « nối ngôi bốn mươi năm, cho nên hậu-lễ phong cho là « An-nam quốc » ; sau khi được da phong, dần dần tự tôn lên, xưng là nước, từ đấy không đổi nữa ».

Bộ *Văn-hiến thông-khảo* còn chép một vài tên nữa như sau này : « Khoảng năm Thiên-hy (1017-1021) tiến phong Lý Công-Uẩn (Lý Thái-Tổ, 1009-1028) làm Nam-bình quận vương... Kiền-Đức (Lý Nhân-Tôn, 1072-1127) lại vào triều cống, xin trả lại những châu huyện đã cướp ; vua Tầu chiếu bảo cho biết rằng : « Ngươi coi có đất *Nam-giao...*» v. v.

Quốc-sử diễn-ca không chép Nam giao, chỉ chép có Giao-nam, Giao chỉ và Giao-châu. Ba tên hiệu này, nhiều nhà sử-học đã nghiên-cứu đến ; nay muốn kiểm-điểm lại, phải viết đến một quyển sách con. Vậy chỉ xin nhắc lại rằng kinh *Thư* có chép Nam-giao, mà kinh *Lễ* thì nói : 南方曰蠻, 雕題, 交趾 «Phương Nam gọi là Mán, chạm khắc vào trán, ngón chân cùng hướng với nhau », nên gọi là Giao-chỉ.

Còn Giao-châu vốn là một bộ thuộc của đất Việt-thường, nay là cõi Quảng-đông, Quảng-tây ; trong sử Nam nói là tên gồm những khi Bắc - thuộc : Đường Cao-Tổ, năm Võ-đức thứ năm (tức là năm 622) đổi Giao-châu làm An-nam đô-hộ-phủ ; Túc-Tôn năm Chí-đức thứ ba (758) đổi là Trấn-nam ; Đại-Tôn năm Đại-lịch thứ ba (768) lại đổi làm An-nam.

Trước Tây - lịch kỷ - nguyên, vào khoảng năm 207, Triệu-Đà (Triệu Võ-Đế, 207-137) đặt tên nước là Nam-Việt 南越 (có chỗ viết là 南粵) ; nay Nam-

(Xem tiếp trang 17)

CHUYỆN THƠ TRÀO-PHÚNG

TỨ BẤT-TỬ !

Kiểm duyệt bỏ

Phúc-đức gì mày, bố đĩ Giai?
Làm cho tổn Bắc, lại hao Đoài !
Kìa, gương Võ-đế còn soi tỏ :
Ngạ tử (6) Đài-thành ! Phật cứu ai ?

Võ-Đế ? Một vua nhà Lương, tên là Tiêu-Diễn 蕭衍, người Nam-Lan-lăng 南蘭陵 Tàu.

Là một tín-đồ trung-thành của nhà Phật, Lương - võ - Đế ba lần đã xả thân ở chùa Đồng-thái (同泰) : thật đã giật được giải quán-quân về việc mộ Phật trong số các đế-vương Trung-quốc. Nhưng kết cục ? Vì loạn Hầu-Cảnh 侯景, Võ-Đế phải chết đói ở bên Đài-thành !

Biết sơ truyện vua Lương-Võ như thế, ta mới hiểu rõ tác-giả bài trào-phúng trên muốn tỏ ý phê-bình việc làm chùa « Quan Thượng » ra thế nào.

Song-Cối

Phúc-đức gì...!

Bên bờ Hồ Gươm nước lờ lờ xanh, một cây tháp cổ xây bằng gạch bát-tràng, miết mạch ống chữ « công », dưới bóng cây cổ bà-xòa, trải qua bao trận mưa cuồng, gió phũ, hiện nay hãy còn ngạo-nghễ với khách qua đường vì có cái quá-khứ ly-kỳ còn in trên nét vôi rêu, gạch mốc : Một di-tích của ngôi chùa « Quan Thượng » !

Chùa « Quan Thượng » ? Bấy giờ ông Nguyễn-đăng-Giai ngồi ghế tổng đốc Hanoi, chừng mộ chủ-nghĩa « từ-bi phả-độ » của nhà Phật, để tỏ lòng tín-ngưỡng, đã phát tâm đứng làm ngôi chùa này.

Nhưng, bát nước công-đức ấy tuyền bằng bồ hôi nước mắt của thập phương, nên sau khi quả phúc vừa vê tròn, ông Đăng Giai hái ngay được cái kết-quả mỉa mai bằng bài thơ trào-phúng này mà người ta ngờ Ba Giai là ác-giả nó :

Tùy-hứng

Đẹp

Từng mảnh vàng rơi khắp đó đây :
Hoàng hôn đang xuống dẻo sông nầy.
Có màu nguyệt bạch tan trong gió,
Men rượu tàng-tàng đượm cỏ cây !

◆

Vàng cứ tan dần trong nước trong.
Khắp nơi lau trắng đổi màu hồng.
Nàng Đêm đi nhẹ như cô gái
Bẽn lẽn đưa chân tới động phòng.

◆

Em hãy mở hồn đón Đẹp vô,
Thu đầy màu sắc của giang hồ
Vào trong đôi mắt nhung huyền-ảo,
Trong cõi lòng em chẳng bến-bờ.

Đỗ-Huy-Nhiệm

THÁP BÁO THIÊN, CHÙA BÁO THIÊN

VEN hồ Hoàn-Kiếm, trước cửa nhà Địa-ốc ngân-hàng trông sang, có một cái tháp. Nhiều bạn thường gọi nhầm là tháp « Báo-Thiên » của chùa Báo-Thiên.

Sự thực, đấy chỉ là cái tháp ở cửa chùa Quan Thượng (1) khi trước, ngay lối vào, gọi là Hòa-Phong Tháp.

Vậy tháp Báo-Thiên, chùa Báo Thiên ở đâu ?

Tháp Báo-Thiên ở phường Báo-Thiên, huyện Thọ-Xương, ngoài cửa chính đông cửa thành Thăng Long (tức là phố Nhà thờ bây giờ), tháp nay không còn.

Sử (2) chép : « *Niên-hiệu Long-thụy thái-bình năm thứ tư (1057) đời vua Lý Thánh-Tôn (3) (1054-1072), xây tháp Báo-Thiên (lại có tên khác là Đại-thắng-tư-thiên bảo-tháp) mười hai tầng, cao hơn mười trượng (4)* »

Cuối đời Lý, tháp đổ, đến đời Trần Anh-Tôn (1293-1314) chữa lại ; rồi giữa đời Hậu-Lê tháp lại đổ.

Khoảng đời Tây-Sơn (1788-1801) chỉ còn đế tháp cao hơn một trượng ở phía tây chùa Báo-Thiên, gạch đổ lù lù ngổn-ngang, hoang rậm như núi, vẫn còn mấy chữ nề : «Lý triều đệ tam đế

Nguyên xưa vua Lý Thánh-Tôn (1054-1072) nhân đi chinh phạt Chiêm-Thành, kiếm được thợ khéo, đem về xây tháp Báo-Thiên. Tầng thứ ba tháp có ghi : «Thiên tư Vạn thọ ». Ngọn tháp đúc bằng đồng có khắc chữ «*Đao lý thiên*» ; về sau, sét đánh, gẫy mất, không ai biết rơi vào chỗ nào. Sau có người làm ruộng bắt được, lại đem chắp vào, rồi bị sét đánh mất hẳn (5).

Về việc sét đánh tháp Báo-Thiên, Sử (6) chép :

« *Đời vua Trần Minh Tôn (1314-1329) niên-hiệu Đại-Khánh thứ chín (1322), mùa xuân, tháng ba, sét đánh vào tháp Báo-Thiên* ».

Lại đến đầu niên-hiệu Thiệu-phong đời Trần-Dụ-Tôn (1341-1357), gió thổi sạt nóc tháp, rồi kẽ sét đánh vào phía đông, sạt mất hai tầng.

Trải qua bao phen thay đổi, đến đời Tây sơn còn trơ một cái đế tháp và đống gạch vụn ! Người đương-thời cảm việc xây tháp có bài thơ, xin dịch sau đây :

Triều xưa công đức : Tháp cao xây,
Bảo-sát tầng tầng vút khói mây !
Nước mắt mồ-hôi gì để lại ?
Đống tàn còn chữ kỷ-niên đây ! (7)

●

Cạnh tháp Báo-Thiên, về phía Tây, có ngôi chùa gọi là Báo-Thiên-tự.

Chùa xây-dựng vào đời Lý Thánh-Tôn, niên-hiệu Long Thụy Thái-Bình năm thứ ba (1056), cũng tại phường Báo-Thiên, huyện Thọ-Xương, để thờ phật và kỷ niệm vị thánh-tăng là Khổng Lộ. Vua Thánh-Tôn truyền lấy đồng trong kho đúc một quả chuông lớn và ngự chế một bài minh khắc vào đấy.

Trải qua Trần, Lê, chùa Báo-Thiên là một chỗ thuyền lâm danh-thắng nhất ở kinh thành Thăng Long. Mỗi khi gặp tiết xuân thiên, chùa đã thành một nơi lễ bái, du ngoạn sầm uất. (8)

Đến năm Bính-ngọ (1786), trong nước có cuộc chiến-tranh. Chùa tuy không bị đốt cháy, nhưng đã đổ nát rồi !

Qua năm Đồng-Khánh nguyên-niên (1886), chùa thành một cảnh hoang-vu cô-tịch !

Thống chế PETAIN đã nói :

« *Ta mong toàn thể dân Pháp đoàn kết lại quanh chính-phủ mà ta chủ tịch trong buổi khó khăn này, và dẹp nỗi lo âu để chỉ vâng theo lòng tín-nhiệm vào vận mệnh Tổ-quốc* »

Xem tiếp trang 17

(1) Xem bài «Chùa Quan Thượng» của tôi đăng ở Việt Báo ra ngày 13-7-1940, trang 3.

(2) «Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục» của triều Nguyễn và «Việt-sử Tiêu án» của Ngô-Thời-Sĩ.

(3) Trong «Long-biên bách nhị vịnh» (số A 1310, Trường Viễn-đông Bác-cổ) lầm làm «niên-hiệu Long-đức đời vua Lý-Nhân-Tôn». Nay xin đính-chính : Đời vua Lý-Nhân Tôn (1072-1127) thì có niên-hiệu Long-phù, chứ không có Long-Đức. Nếu Long-Đức thì là niên-hiệu vua Lê-Thuần-Tôn (1732-1734). Còn bảo tháp xây từ đời Lý-Nhân-Tôn thì không đúng, vì tháp có ghi : «Lý-triều đệ tam đế». Mà vua thứ ba nhà Lý tức là vua Thánh Tôn.

(4) Trong «Việt-sử Tiêu-án» (bản viết tay) nói là «cao vài mươi trượng».

(5) An-nam chí lược, quyển I, tờ 6 bis, dòng 9.

(6) Khâm-định Việt sử Thông giám cương mục.

(7) Long-biên bách nhị vịnh, nguyên hán văn :

Bát thủy sùng triều trúc Bảo-thiên :
Tầng Tầng bảo-sát nhập vân yên !
Kim cao bích huyết kim hà tại ?
Đôi ngõa đoi dư chú lý niên !

(8) Coi « Lan-trì Kiến văn lục » của Vũ nguyên Hanh, truyện Nguyễn Đăng Đạo.

PHÓNG SỰ NGẮN

MỘT NGÀY Ở XỨ CHÀM

NGƯỜI Chàm, nhất là đàn ông, không hay dậy sớm.

Tại mấy xóm Đoòng-doong, Ma-dam, nơi chúng tôi ở lại quan-sát lâu nhất, tôi thường nhận thấy, cứ đúng giờ tí (12 giờ đêm), người trong xóm mới đi ngủ cho mãi đến giờ ngọ (12 giờ trưa) hôm sau, họ mới dậy làm việc hoặc ngồi suông.

Tục Chàm trước vẫn lấy nửa cuối ngày hôm trước làm ngày và nửa sáng ngày hôm sau làm đêm.

Nhưng, tục ấy, người đàn-bà Chàm nay đã bỏ dần vì nó không còn hợp với giờ-giấc của những người Việt-Nam ở quanh vùng là những người họ cần phải đụng chạm luôn để mua bán các thứ dùng hay giao thiệp mọi công-việc.

Trong gia-đình Chàm, chỉ người đàn-bà mới suốt ngày bận rộn.

Từ sáng đến tối, họ làm hết các công-việc khó nhọc như ra đồng cấy gặt, ra tỉnh mua bán, vào Mọi đổi chác, rồi về nhà lại dã gạo, sàng gạo, chăn con trẻ, giặt áo xống, nấu ăn, tiếp khách, dệt vải, se bông.

Sẩm tối, khi công-việc đã ngớt, người đàn bà Chàm, đầu đội chiếc bình đất lớn, lại ra sông, lạch, vợi nước về dùng.

Quần-quật suốt ngày, thế mà không bao giờ họ có một tiếng phàn-nàn về chồng con là những kẻ suốt ngày ăn xong lại nằm, nằm chán lại chạy nhông hoặc mơ-màng ngồi hút thuốc.

Thì ra, ở xã-hội Chàm ngày nay, người đàn-ông đã chịu lùi xuống hàng nhì làm những kẻ « chân yếu tay mềm » để bọn đàn bà tiến lên làm « phái mạnh ».

Tình-cờ tôi đã được mắt thấy một anh chàng người Chàm gặp rắn co giò chạy trước, trong khi người vợ, đầu đội một sọt hàng nặng, còn đứng lại, cố lôi một cành cây khô trong bụi rậm, đánh con rắn đang quằng mình thoăn-thoắt ngang đường.

Bênh-vực, che-chở cho chồng như thế, người đàn-bà Chàm thường ngày còn biết nhường-nhịn chồng con cả đến thức uống, miếng ăn.

Sự nhường-nhịn ấy đã thành những tục-lệ riêng trong xã-hội Chàm, những tục-lệ mà không bao giờ người đàn-bà xâm-phạm.

Bởi thế, hàng ngày, người ta thường thấy : Lúc ngồi quanh một mâm cơm, người đàn ông Chàm dùng đũa gắp các thức ăn. Còn người đàn-bà Chàm ? chỉ dùng năm ngón tay để bốc !

Cách ăn bốc ấy, lâu ngày thành một tục lệ bất di bất dịch cho đến bây giờ, dù trong nhà thừa đũa bát, người đàn-bà cũng không muốn dùng đũa bát gắp, dỡ thức ăn.

Sáng dậy, sau khi rửa mặt, việc làm thứ nhất của người đàn-bà Chàm là săn-sóc đến bữa ăn sớm cho chồng, con.

Họ nấu cơm ngô hay cơm gạo, đun nồi cá ươn mà họ gọi là « cá liệt », đánh những cơm sườn cơm cháy và bẻ những đầu cá, đuôi cá ăn trước để ra làm việc ngoài đồng trong lúc chồng với con họ còn ngủ kỹ trên sàn đến lúc mặt trời đứng bóng.

Chỉ những con trẻ chịu theo học trường Cụ-thể lập ra ở gần huyện Chàm mới chịu dậy sớm để kịp giờ vào lớp học.

Còn hầu hết chúng đều có tính biếng nhác, cái tính di-truyền chúng đã có sẵn ngay từ lúc lọt lòng.

Từ bé đến lớn, người đàn ông Chàm hàng ngày đã quen sống một cách nhàn-hạ.

Bởi thế, suốt một tỉnh Phan-rang, không thấy một viên thư-ký, một viên tùy-phái, một người phu xe nào là người Chàm, trừ mấy người tùy thuộc của viên thổ-huyện.

Trong làng Chàm, nhiều lần chúng tôi thấy có vài ba người đàn ông ngồi dơ đầu ra cho vợ bắt chấy hoặc gỡ hộ tóc.

Họ còn lười đến nước quẳng quần áo ra cho vợ bắt dậu, nhờ vợ gắp mẩu than hồng ở bếp lên để hút thuốc, chớ họ không chịu cất công cầm thoi sắt đánh vào hòn đá lửa để ngay bên cạnh mình.

Hộp diêm, đối với người Chàm, là một xa-xỉ phẩm, nên không mấy khi họ dùng.

Hầu hết các nhà Chàm đều có hòn đá đánh lửa riêng, cho lửa bắt vào một thứ mồi làm bằng một chất nõn cây mềm phơi kho tẩm nhựa thông để sẵn.

Hàng ngày, ngoài những lúc làm các việc cần, người đàn-bà Chàm thường lấy việc giữ lửa trong lò, bắt dận chấy cho chồng con làm những cuộc chơi tiêu-khiển.

Đôi ba khi, họ cũng hát, nhưng mỗi lần cất tiếng hát là mỗi lần họ có chuyện sầu muộn ưu-phiền.

Người Chàm, không ai nghiện thuốc phiện, nên trong khắp làng Chàm, không đâu có được một chiếc khay đèn.

Thuốc phiện, họ không hút, nhưng trầu thuốc thì cả đàn ông và đàn bà đều ăn luôn mồm, có người một ngày nhai đến vài chục miếng.

Thứ rượu gạo và rượu ngô họ tự chế ra, chỉ dùng những khi cần tiếp các người thân-thuộc.

Không bao giờ họ uống rượu bằng cốc, chén và uống riêng

TAM LANG

Xem tiếp trang 20

VÕ TRƯỜNG TOẢN

Võ là một nhà đại-nho trong thế-kỷ mười tám. Thế mà sử sách chỉ chép sơ qua, ngày nay ít người biết tới !

Võ là người ở Bình-Dương thuộc Gia-Định (Nam-Kỳ).

Tài cao, học rộng, Võ có chí cao-khiết, theo đòi thánh-hiền đời xưa. Gặp lúc Tây-sơn quật khởi, trong nước có cuộc nội tranh, Võ lánh ẩn về quê, dậy học có đến mấy trăm học trò. Nhiều danh thần vua Gia Long (1802-1819) như Trịnh - Hoài - Đức, Ngô-Tùng-Chu, Phạm - Đăng - Hưng, Phạm - Ngọc-Uẩn, Lê-quang Định, và Ngô - nhân - Tĩnh đều là cao-đệ của Võ tiên-sinh đó. Cả đến hai dật sĩ là Chiêu và Trúc cũng đều được Võ đào-tạo cho hết.

Khi vua Gia Long ở Gia-định, ngài *thường với Võ vào hệ - kiến bàn* - luận về Kinh-điển.

Khi Võ mất, vua Cao-Hoàng rất thương tiếc, ban tên hiệu cho tiên-sinh là «Gia-Định xử-sĩ Sùng-đức Võ *tiên-sinh*», để khắc bia dựng ở mộ.

Tiên-sinh không có con giai, chỉ có một con gái. Người con nuôi tên là Trúc được Triều-đình miễn sưu, không phải đi lính, để ở nhà giữ việc thờ-tự. Tiên-sinh lại còn có một người cháu tên là Võ-tài-Toàn, đến tháng 9 năm Kỷ Mão, Gia-Long thứ 18, cũng được miễn sưu.

Tháng giêng năm Tự-Đức thứ 5, vì có quan Kinh-lược Nguyễn-tri-Phương tâu xin, nên có sắc nhà Vua sai dựng phường tinh-biểu ở quê tiên - sinh : thôn Hòa - Hưng, huyện Bình dương.

Dưới đây là bia (nguyên-văn bằng chữ Hán) của cụ Phan thanh-Giản để ở mộ tiên-sinh tại làng Bảo-Thạnh gần quận Batri (Bentre) do bạn Thọ-Xuân chép gởi cho và do bạn Trúc-Khê lược dịch ra tiếng Việt.

Nguyễn Triệu

Mộ chí Võ Trường-Toản tiên-sinh

(BẢN DỊCH)

Tiên-sinh họ Võ, húy Trường - Toản. Tiên-thế, hoặc nói là người làng Thanh-Kệ hạt Quảng-Đức, hoặc nói là người làng Bình - dương hạt Gia-định, uyên nguyên khó tường. Tiên-sinh, học sâu, biết rộng, gặp đời loạn Tây-sơn, ở ẩn, dạy học trò hàng mấy trăm người. Hạng học trò cao thì như Ngô-tòng-Chu. Thứ đến Trịnh - hoài - Đức, Phạm ngọc Uẩn, Lê-quang-Định, Lê-há-Phẩm, Ngô-nhân-Tĩnh v.v. Hạng danh-sĩ thì như Chiêu và Trúc đều là hai tay dật dân. Còn những người khác, không kể xiết. Các ông trên này gặp hội gió mây, ra làm bậc hiền tá ở đời Trung-hưng (chỉ triều Gia-long), đều có công liệt rỡ ràng ở đời.

Hồi vua Thế-tổ ngự ở Gia-định tiên sinh thường được vời vào hỏi chuyện.

Lại nghe ; tiên sinh học rộng các *kinh, và sở trường* về bộ tứ thư.

Dật-nhân Chiêu vốn người túc-học, chỉ theo tiên - sinh mà nhận - lĩnh được cái nghĩa «tri ngôn, dưỡng khí » Từng thấy trong sách tiên sinh còn sót lại có nói : « Sách Đại học một nghìn bảy trăm chữ, tan ra, vô số việc ; thu lại, chỉ hai trăm chữ ; lại thu nữa, chỉ một chữ ; lại thu hẳn lại, một chữ cũng không. » Ấy cái học của tiên-sinh đã đến tận chỗ lớn lao và tinh-vi là như vậy. Dẫu đem *cách học* ấy mà đọc nghìn vạn kinh-sách cũng được lắm.

Tiên-sinh không xuất-chính, nên không được thấy sơ sự-nghiệp về chính-trị của tiên-sinh.

Từ khi tiên - sinh đem cái học nghĩa - lý ra dạy người, chẳng những đương thời nung đúc được nhiều nhân tài, mà do sự truyền thuật giảng dụ mài rửa, đến giờ, dân Lục - tỉnh trung nghĩa cảm phát, liều chẳng tiếc mình, tuy vì thâm nhân hận trạch của triều-đình cố kết lòng người, nhưng cũng há chẳng do công khai đạo của tiên-sinh từ xưa để lại mới được như thế ư ?

Ngày 9, tháng 6, năm nhâm tý (1792), tiên-sinh mất, vua rất thương cảm, ban hiệu là « Gia-định xử-sĩ Sùng đức Võ tiên-sinh» để khắc vào bia ở mộ.

Sau hồi đại định, các ông học trò của tiên-sinh dần dần tan-tác, không ai biểu dương.

Năm Tự Đức thứ 5, Hoàng thượng sai dựng phường để tinh biểu ở thôn Hòa-hưng huyện Bình-dương

Bọn chúng tôi lại góp tiền lập đền và tậu ruộng để dùng vào việc cúng-tế.

Gần đây, nhân binh-biến, phường và đền đều bị tàn-phá, thành ra miếng đất hoang quạnh. Mồ cũ để lâu ở đó, cũng e không tiện, tôi nhân cùng bạn đồng - quận là ông Nguyễn Thông, đốc học Vĩnh-long họp các thân-sĩ mưu thiên đi nơi khác. Chúng tôi thông báo với quan Hiến-sứ An - giang là Phạm hữu Chính cùng tỉnh Hà tiên (?) cũng đều đồng ý, bèn ủy bọn ông tú-tài Võ-gia-Hội hợp với những người đàn anh ở thôn Hòa - hưng kính khai huyệt lên, đổi bỏ ván cũ, thay sang quan mới.

Mọi người cử Nguyễn Thông làm chủ-tang, tang phục theo lối trở thầy đời xưa.

Chọn ngày 28, tháng 3 năm nay (1867), rước di-hài tiên sinh đem táng ở đồng thôn Bảo Thạnh huyện *Bảo-an...*

Đem bà Thục-thận nhụ-nhân hợp táng và người con gái bé tòng táng

Ngôi đất này dựa vào gò cao và trông ra một vùng cây cối, trước mặt rộng-rãi um-tùm, cảnh-trí khá đẹp. Trước mộ mười trượng dựng đền, trước đền 7 trượng dựng phường.

Cộng việc này, các quan-liêu ở tỉnh, các chức phủ, huyện, giáo, huấn và các học trò, cùng thân-sĩ hai tỉnh An, Hà, luôn với nhân-sĩ lưu-ngụ ở ba tỉnh Gia-định đều dự cả.

Cát-táng xong, tâu xin tinh - biểu như cũ, lại xin mộ 5 tên - dân, một tên phu trưởng coi việc canh giữ, quét tước.

Ngày 28, tháng 3 năm Tự-đức 20 (1867), văn-sinh Phan-thanh-Giản cẩn minh.

Lại lập bài vị để thờ ở Tụy-văn-lân. Nhưng khi đương thuê thợ khắc bài vị thì chợt gặp quan-quân Lãng-sa kéo đến. Sau đến năm nhâm thân (1872) mới lại thuê thợ trùng tu.....

Quan-niệm một học-giả Mỹ đối với nhân-sinh

«Chớ thấy sóng cả mà rã tay chèo!»

«KHỐN - khó» là ân-nhân của chúng ta. Có «khốn-khó» mới ngăn-ngừa và đào-thải được hết thảy những kẻ tranh-cạnh không bằng chúng ta và đưa chúng ta đến con đường thắng-lợi.

Spurgeon có nói : « Có nhiều người, những sự nghiệp vĩ-đại một đời họ đều ra từ trong chỗ *khốn-khó ghê-gớm* của họ ».

Chiếc rìu ròng tốt có cái lưỡi bén là nhờ tôi rèn trong lò lửa và mài lắc trên đá mài.

Hàng nghìn vạn người có tư chất có thể làm to được, nhưng vì cả đời không có dịp vật lộn với sức ngăn trở và không gặp những nỗi khốn-khó ghê gớm đủ kích-thích cái năng-lực ngầm chứa ở trong mình khiến bật nảy ra, nên suốt đời phải mai-một, không tiếng-tăm: thật đáng tiếc !

Khi sự «trở-ngại» xông đến, nó có thể rèn - luyện cho chúng ta những năng-lực «đánh thắng trở-ngại».

Cây kẻ trong rừng nếu không trải qua trăm nghìn lần chống-trọi với mưa phàm, gió phũ, thì thân cây no sao có kết-quả mỹ-mãn được ? Cũng vậy, người ta nếu không gặp những sự ngăn-trở này khác, thì nhân-cách và bản-lĩnh của người lấy đâu có kết quả tốt-tươi ? Cho nên hết thảy những cái dập gãy, lo-lắng, khổ-sở và đau-thương đều đủ rèn luyện chúng ta, giúp chúng ta tấn-tới cả.

Một nhà văn mới ra đời, đem sách mình viết vào các cửa hàng sách, thường bị người ta mát mẻ gọn lỏn : « *Xin lại-quả* biếu ông ». Nhưng cái hắt-hủi ấy đã tạo nên được biết bao tay trước-tác nổi tiếng ! Vì cái thất-bại nó đủ lay tỉnh và đốt nóng Sức ngầm của một cá-nhân khiến cho trở nên hạng người có bản-lĩnh, có khí-cốt, đạt được đến bước thành công.

Những hạng thanh niên gặp hoàn cảnh không thuận-lợi, đến đâu cũng bị bỏ rơi, bị ruồng rẫy, thường thường rồi ra lại làm nên. Còn hạng người từ bé gặp được hoàn-cảnh thuận-lợi thì, trái lại, về sau, thường lốp-lép, không kết quả !

Trường «thiên-nhiên» khi đã bắt người gặp một bước khốn-khó, đồng thời thường cũng giúp người thêm một phần trí-lực.

Nghèo-túng, đau-khổ không phải là rào ngăn mãi mãi không vượt được; song trái lại, nó là một món kích-thích để rèn luyện thân-tâm người ta, khiến thành hạng người cứng-mạnh hơn, rắn-rỏi hơn.

Kim-cương càng rắn thì tia sáng nó càng long-lanh chói-lòa. Mà khi muốn cho tia sáng nó bủa tỏa thì cần phải mài đánh nhiều hơn. Chỉ có cách mài nhiều, đánh kỹ mới có thể khiến cho kim-cương nảy ra được hết những tia đẹp-đẽ của toàn-thể nó.

Michel Cervantes (1547-1616), khi ở trong ngục Madrid, là lúc đương phải khốn-khổ, thế mà viết được cuốn «Don Quichotte». Giáp văn xong, tác-giả vì nghèo rớt mồng tơi, không tiền mua giấy, đến nỗi phải viết vào tấm da ! Có người khuyên một nhà giàu lớn Tây-ban-nha rằng nên giúp Cervantes, nhưng người giàu ấy trả lời : « Trời không cho phép tôi giúp-đỡ sự sinh sống của ông ta, vì chỉ có cái nghèo-túng khốn-khó của ông ta mới có thể làm cho thế-giới được phong-phú ».

Cuốn «Thiên-lộ lịch-trình» là tác-phẩm của Công-tước Bedford (1389-1435) viết ở trong ngục.

Walter Raleigh (1552-1618) sống trong lao tù hàng 13 năm, viết được cuốn «*Thế-giới lịch-sử*».

Martin Luther (1483-1546), khi bị cầm tù ở Wartbourg, cặm-cụi dịch Kinh-thánh ra văn Đức.

Dante (1265-1321) bị kết án tử-hình, phải gian-truân siêu-dạt hàng hai mươi năm ! Nhưng tác-phẩm của ông được nên trọn chính lại ở trong thời-gian ấy.

«Khốn-khổ» giống như buổi sớm ngày xuân dẫu hơi xen lẫn sương lạnh nhưng đã có khí ấm-áp rồi. Khí trời lạnh đủ giết được loài sâu có hại ở trong đất, song vẫn giúp cho loài thực-vật được sinh ra và lớn lên.

Beethoven (1770-1827), trong khi hai tai điếc đặc, sống những mấu đời đau đớn âm-thầm, đã đặt ra được những khúc nhạc rất hùng-vĩ.

Milton (1608-1674) trong khi mù cả hai mắt, bị kẹp trong hai gọng kìm bần, bịnh, thế mà vẫn viết được những tác-phẩm trứ-danh.

Vì vậy, Johin Bunyan (1628-1688) thậm chí phải nói : « Giá-thử đừng cho là nói dở, thì tôi thà rằng cầu nguyện gặp nhiều ưu-hoạn xảy đến còn hơn, vì càng gặp nhiều ưu-hoạn càng kiếm được nhiều hạnh-phúc».

Một người hăng-hái, không sợ gì, càng bị khốn-khó vì hoàn-cảnh, lại càng trổ sức mạnh mẽ, không run-rẩy không ngần-ngừ, vỗ ngực thẳng xông, giữ vững lấy ý chí, dám đối-phó với bất cứ nỗi khốn-khó nào, dám coi khinh bất cứ cái ách vận nào, dám chế-riễu bất cứ sự ngăn-trở nào. Vì bao nhiêu những cái lo-âu, hoạn-nạn và khốn-khó không đủ làm sờn họ một mảy-may, song lại có thể làm cho thêm mạnh chí-ý, lực lượng và phẩm cách của họ, khiến họ trở nên hạng người hơn người...

« Số-mệnh » không thể ngăn-trở lối trước của hạng người ấy được.

O. S. Marden

(Training for Efficiency)

HÁN-VĂN TRÍCH DIỄM

« OÁN TÌNH » CỦA LÝ-BẠCH

Lý-Bạch, tên tự là Thái - Bạch 太白, hiệu là Thanh - Liên cư-sĩ 青蓮居士, một thi-sĩ nổi tiếng đời Đường.

Sinh ở làng Thanh - liên đất Thục (nay thuộc tỉnh Tứ-Xuyên, Tàu), Lý, anh hoa, lỗi - lạc, tỏ ra là một thiên-tài. Hồi lên năm tuổi, Lý đã đọc Lục-giáp ; mười tuổi đã xem Bách-gia (coi bức thư của Lý đưa cho An - châu Bùi-trưởng-sử).

Thủa trẻ, Lý thích tung hoành, ưa kiếm hiệp, chính tay Lý đã đâm chém đến mấy người ! Cái tính thích-thảng, ngang tàng, khinh tiền-tài, trọng bố - thí, không chăm lo sinh nhai của Lý đã liệt Lý vào hàng hiệp-khách ở đời Chiến-quốc xưa. Lớn lên, Lý cất gót lãng-du, in dấu chân miền Thương - Ngô và Minh-hải. Sau, chịu ảnh-hưởng của Đạo-gia, Lý đổi hẳn tâm - tính, nảy cái tư - tưởng vượt hẳn ra ngoài trần-tục, thờ chủ - nghĩa phóng - nhậm, cười cợt với tự-nhiên.

Đã yêu vẻ đẹp trong-sạch và huyền-diệu của bóng trăng, Lý lại thích kiếm thú say-sưa trong bể-lọ để được đi về cõi mộng, hưởng cái thanh-cao, cái hồn - nhiên mà Lý cho rằng không thể tìm thấy ở trong cuộc đời thực-tế.

Thấy văn thơ Lý, Hạ - tri - Chương phải than phục là một vị chích-tiên. Cái duyên tri - ngộ giữa Hạ và Lý ấy đã nâng Lý từ chân thi-sĩ lên ghế Hàn-lâm dưới triều Đường Huyền-Tông (713 — 755).

Như ngông-cuồng, như điên - dại, Lý nhiều lần có nói chạm đến vua Đường ; nhưng nhà vua cũng chỉ mỉm cười và bỏ qua, khi nghe biết những lời « phạm thượng » ấy.

Sau, vì làm mạc-khách cho Vĩnh-vương Lân 永王璘, Lý bị khép vào tội phản-nghịch, phải đày ra xứ Giạ-lang (nay ở cõi tây Qúy-châu). Rồi có ân xá, Lý lại được về.

Theo ông Abel Bonnard, một nhà văn Pháp, đã nói trong một quyển sách ông viết sau khi du-lịch Trung-Hoa khoảng năm 1921, thì Lý, một hôm, nhân có việc vua đòi về kinh, đi thuyền trên sông, đang ngà ngà say, bỗng đưa tay xuống nước chực bắt lấy bóng trăng mông-lung lóng-lánh rất đẹp. Chẳng dè ngã nhào, nhà thi-hào họ Lý đã vội gieo mình xuống cung thủy-tinh để tìm cái chết khác thường : tao-nhã trong-sạch !

Thơ Lý đầy giọng kỳ-diệu, cao-siêu, thanh-nhã, phiêu-dật, không phụ cái tiếng «chích tiên».

Cũng như Đỗ-Phủ (sau sẽ có bài nói đến Đỗ Phủ) Lý-Bạch được kể là một thi-tông.

Dưới đây, chúng tôi xin giới-thiệu với các bạn bài « Oán tình » (怨情) của Lý viết theo thể thơ « Ngũ ngôn tuyệt cú » 五言絕句 :

美	人	捲	珠	簾
Mỹ	*nhân*	*quyển*	*châu*	*liêm,*
深	坐	顰	蛾	眉
Thâm	*toạ*	*tần (1)*	*nga*	*mi !(2)*
但	見	淚	痕	濕
Đãn	*kiến*	*lệ*	*ngấn*	*thấp,*
不	知	心	恨	誰
Bất	*tri (3)*	*tâm*	*hận*	*thùy...*

Chú - giải

(1) *Tần* là cái nhăn mặt hoặc nhíu mày. Có mấy thành - ngữ như *nhất tần, nhất tiếu,* — 顰, — 笑 (một nét nhăn, một nụ cười) và *hiệu tần* 效顰 (bắt chước dáng nhăn).

Nhân tiện, xin nói thêm về *«hiệu tần»*. Hai chữ này xuất xứ ở sách Trang-Tử 莊子. Trong ấy có chép : « Tây-Tử (một gái đẹp) đau bụng, nhăn-nhó. Một người xấu-xí trong làng của nàng thấy thế, cho là đẹp, về cũng ôm bụng mà bắt chước cái nhăn của Tây-Tử». Sau dùng rộng ra, chỉ bóng về hạng người *học đòi không nên thân* !

(2) *Nga-my*, nghĩa đen là *nét mày như con ngài* (nếu đã như con ngài thì không biết đẹp cái nỗi gì ?), dùng ra nghĩa bóng chỉ chung về mỹ-nhân.

(3) *Bất tri* khác với *vô-tri* 無知 Hai chữ sau nghĩa là « không có tri-giác ». Hai chữ trước nghĩa là «chẳng biết, chẳng hay». Trong thiên «Vi-chính» sách Luận-ngữ có câu rằng :«...知之, 爲知之; 不知, 爲不知 : 是知也» « Tri chi, vi tri chi ; *bất tri*, vi *bất tri* : thị tri dã.» Nghĩa là : Biết, thì bảo là biết ; *không biết* thì bảo là không biết : thế là biết đấy.

Dịch ra thơ ta

(Tự do không câu niêm-luật)

Người đẹp cuốn rèm châu,
Lặng ngồi, nhăn mày ngài !
Chỉ thấy lệ hoen ướt,
Nào hay lòng giận ai...

Hoa-Bằng

MẢNH SỬ - LIỆU

Hơn 100 năm trước đây, Việt-Nam đã đại thắng người Anh trong một trận thủy-chiến

"LẠ ! Lạ nhỉ ! Nhưng, thật không ? » Các bạn đọc chắc sẽ phân-vân mà hỏi như vậy, khi mới đọc hết cái đầu đề trên.

Phải, lạ ! lạ vì hơn trăm năm trước đây, nước Việt Nam đã có thủy-quân hùng-cường đến thế nào mà chiến thắng nổi người Anh-Cát-Lợi !

Thì đây, chúng tôi xin nhường Tá-Đằng Sở - Tài 佐籐楚材, tác giả cuốn *Thanh-Triều Sử-Lược* 清朝史略, trả lời các bạn về câu hỏi ấy :

« Trước kia, An-nam vẫn ghét thuốc phiện và đạo Thiên-Chúa của Tây-phương. Đã lâu, họ tuyệt hẳn các tàu-bè thông-thương (市舶) ở Quảng-nam.

« Bấy giờ người cầm đầu binh-lính (兵酋) Anh-cát-Lợi đóng ở Ấn-độ nghe biết bên nước An-nam, họ Nguyễn (1) mới tân tạo, có chỗ hở có thể thừa cơ được, bèn đem hơn mười chiếc tầu chiến (兵艦) kéo vào cửa sông Phú-Xuân.

« Người An-nam rút hết thuyền vào núp ở trong nội-cảng. Vài trăm dặm không có bóng người...

« Đêm đến, thình-lình có tới một trăm mười chiếc thuyền nhỏ lẻn ra miền hạ-du của nội-cảng : theo chiều gió thuận, nhân giòng sóng xuôi, đánh hỏa-công.

« Người Anh không có đường chạy ! Bảy chiếc tầu vào trước đều bị đốt cháy ! Những chiếc còn ở ngoài biển cũng sợ-sệt trốn nốt !

« Thẹn không dám về nước, bọn người Anh ấy kéo sang Quảng-Đông, toan chiếm Áo-môn 澳門, song không trôi, lại rút đi ». (T. T. S. L. quyển 6, tờ 20).

●

Đọc hết mẩu sử trên, ta thấy nó — nếu quả không sai sự-thực — chẳng những là một việc đối ngoại tối quan-trọng ở đời bấy giờ, lại là một cái vinh-dự rất phi-thường của con nhà binh Việt-Nam hồi hơn 100 năm trước đây nữa.

Kiềm duyệt bỏ

H. B.

Để nâng-đỡ văn-hóa trong lúc giấy khan và đắt này...

Đương lúc giấy khan, các nhà in, nhà báo lo sốt vó về nỗi không có giấy làm, các cậu học trò nhăn nhó không có giấy viết, thì bên cạnh họ, người ta vẫn có đủ các thứ giấy tốt, giấy đẹp đem đốt ra tro.

Đi theo với đồ mã, người ta đã đem tre nứa, những thứ nguyên-liệu làm giấy, đốt phí một cách vô vị !

Giấy khan, một phần lớn bị ảnh hưởng ở tục đốt mã !

Nạn giấy khan nếu cứ kéo dài mãi thì, rồi đây, các cơ-quan văn-hóa không khéo đến phải suy-tàn hết !

Đốt mã ? Một cái hủ-tục đã ăn sâu vào óc dân ta mấy nghìn năm !

Tôi mong, từ nay, người ta sẽ tỉnh-giảm bớt món xa-xỉ ấy đi. Và tôi rất mong Chính-phủ sẽ hạ lệnh cho các nhà làm đồ mã : *chỉ được dùng những giấy nhật-trình cũ nhuộm đi mà làm.*

Như thế một số lớn giấy trắng sẽ còn dùng được việc có lợi ích thiết-thực cho dân mình. Giá giấy cũng nhờ đó không đến nỗi cao vọt mãi lên.

Một cái nguyện vọng chung của tất cả những người cần dùng đến giấy để viết, để in.

Bạch-Diện

Ngữ học ngẫu đàm

ÍT DANH-TỪ MỚI

CUỘC đời ngày một khác, sự vật xung quanh chúng ta ngày một mới lạ, việc trao đổi học-thuật tư-tưởng giữa nước nọ với nước kia đã rút hẹp không-gian mà không phân-biệt xứ sở.

Để ứng-phó với hoàn-cảnh và cung-cấp cho sự cần-dùng, người mình bây giờ cần phải dùng những danh-từ mới, nhất là về loài trừu-tượng, để dịch văn ngoại-quốc trong khi làm việc truyền-bá tư-tưởng, giới-thiệu học-thuật.

Thử mở một tờ báo hoặc một cuốn sách quốc-văn bây giờ, ta thấy nhan-nhản biết bao danh-từ mới thuộc kinh-tế-học, quốc-tế chính-trị, xã-hội học, triết-học, quân-sự-học, v. v.

Nhiều người, vì chưa quen, đối với những danh-từ mới ấy, không khỏi bỡ-ngỡ lạ-lùng!

Trong khi chưa có bộ « Bách-Khoa Toàn-thư » bằng quốc-ngữ ra đời, chúng tôi — cố nhiên là theo cái giới-hạn hiểu biết — hễ gặp danh-từ mới nào, xin thử giải-thích danh-từ ấy lên trên mặt báo này, mong góp đôi chút tài-liệu vào kho ngôn-ngữ văn-tự Nam-Việt.

Mục này chúng tôi không xếp-đặt theo thứ tự a, b, c, cũng không chia từng môn-loại một, vì nó chỉ là một món «ngữ-học ngẫu-đàm» Xin các bạn đọc lượng cho. (Những danh-từ nào thuộc môn học nào, chúng tôi đều có chua để tiện khảo).

T. T.

Điều-ước bất xâm-phạm

(Danh-từ thuộc môn chính-trị quốc-tế)

Tiếng Pháp là « Traité de non-agression » ; Tàu dịch là *bất xâm phạm điều-ước* hoặc *hỗ bất xâm-phạm điều-ước*(互不侵犯條約).

Đó là điều-khoản do hai nước định lập với nhau để giữ hòa-bình và an-toàn giữa hai nước. Cái qui-tắc cốt-yếu định ở trong đó là, khi hai nước đã ký điều-ước ấy, phải tôn-trọng sự độc-lập về chính-trị và sự nguyên-vẹn về đất đai của nhau ; về mặt quân-sự cũng như về mặt chính-trị, không được nhúng tay can-thiệp vào. Nếu một trong hai nước đề-ước bị nước thứ ba xâm-lấn, thì nước đề-ước kia không được dùng bất cứ cách nào để giúp-đỡ nước thứ ba ấy. Giữa hai nước đề-ước nếu xảy sự gì rắc-rối lôi thôi, thì quyết không dùng võ lực nhưng dùng cách trọng-tài ngoại-giao để giải-quyết.

Điều ước ấy là một phương-thức ngoại-giao hòa-bình.

Nước Nga, từ tháng 8, năm 1926, ký điều-ước bất xâm-phạm với nước A-phú-hãn (Afghanistan), rồi lần lượt với các nước Thổ, Đức, Ba-lan, Pháp... Gần đây, Nga, Nhật lại vừa ký điều-ước bất xâm-phạm lẫn nhau.

Thế nào là xâm-lược ? Tức là một nước đối với nước khác, có những việc làm xâm-phạm, như :

1· Tuyên chiến trước tiên ;

2· Đem quân-đội xâm-lược đất-đai của nước khác hoặc chưa tuyên-chiến đã xâm-lược tàu-bè hay hàng-không mẫu-hạm (porte-avions) của nước khác ;

3 Phong-tỏa cửa sông hoặc hải-cảng của nước khác ;

4 Giúp những tổ-chức quân-sự trong nước để xâm-lược đất-đai của nước khác.

Một khi hai nước đã ký điều-ước bất xâm-phạm thì không được đối với nhau có những hành-động xâm lược như trên.

Điều-ước bất xâm-phạm là một nhân-tố trọng-yếu để giữ lấy hòa-bình quốc-tế, nếu người ta còn biết tôn-trọng chữ ký trên mặt giấy.

Góp vui

« Que là voi a ! »

Ba mươi năm trước đây, trong bầu không-khí hương-thôn vẫn thường vang-dậy tiếng học «chi, hồ, giả, dã...» Tôi đã từng chứng-kiến một buổi học trong trường một ông Khóa nó :

Một anh học trò bẩm tính chừng cũng «quá ư thông minh» : mỗi chữ thầy đồ phải bảo đi bảo lại đến vài chục lượt.

— « Cái » 盍 là « tượng », học đi !

Anh nhai đi nhai lại mãi mà vuốn chưa ngấu.

Thầy đồ tức quá, sực nghĩ được một cách giúp cho cái sức ký-ức yếu-ớt của anh, liền bảo ;

— Có một chữ thế mà mãi không thuộc ! Này nhớ ! « Cái » gì ? *cái que* chứ gì ! « *tượng* » thì là voi ấy mà, có thể mà không nhớ !

Trong trường học xung quanh phản thầy đồ ngồi, hơn mười cậu học trò nhỏ đương gân cổ lên nhai « Dương-tiết », «*chi*» là «*chưng*» «*dã*» là «*vậy*», lè nhè như người kêu đường !...

Thầy đồ bỗng sửng sốt, khi nghe thấy : anh học trò trên kia đang kéo gân cổ lên đọc, ra dáng vui vẻ, tự đắc lắm :

« *Que* là *voi* a ! *Que* là *voi* a ! . . . »

CÁCH CHI

MỘT BẢN DỊCH KIỀU RA CHỮ HÁN

KIM VÂN KIỀU LỤC

TRÚC-KHÊ

MỚI đây, nhân đọc tờ báo « Bạn-Đường » số 3, tôi thấy có bài « *Lai-lịch sách Kiều* » của ông bạn Đào-duy-Anh. Ông Đào có đả-động qua đến quyển « Kim Vân Kiều Lục » và trích ra vài câu văn, gợi tôi nhớ lại quyển sách mỏng, chữ Hán, in mộc-bản ấy mà tôi đã đọc từ nhỏ.

Về tên sách, ông Đào gọi ra chưa đúng vì bản của ông đã thất lạc, ông Đào gọi là Thúy Kiều truyện.

Viết bài này, tôi muốn giới thiệu với các bạn đọc về quyển sách nói trên.

Quyển « Kim Vân Kiều Lục » này do một nhà nho nước ta, áng chừng vào khoảng đời Tự Đức (1848-1883), đem quyển Kiều nôm của cụ Nguyễn - Du mà thoát dịch ra Hán-văn.

Khuôn khổ bản sách in bề cao 2 tấc rưỡi tây, bề rộng 1 tấc lưỡi, in bằng giấy bản. Mở trang đầu, thấy chia ra 3 dòng lớn: Dòng giữa đề 4 chữ to « Kim Vân Kiều Lục » là tên của sách. Dòng trên có 8 chữ « Đồng khánh tam niên trọng-xuân san khắc », nghĩa là « Năm Đồng-khánh thứ 3, tháng trọng-xuân sửa và khắc ván ». Đồng-khánh là niên-hiệu của vua Cảnh-tông triều Nguyễn, năm thứ 3 là năm Mậu-tý (1888), thang trọng-xuân là tháng 2. Dòng dưới có 5 chữ : « Chiêu-văn-đường tàng bản », (nhà Chiêu-văn chứa bản in ấy). Chữ *Chiêu* là tôi còn ức đoán chứ chưa dám chắc lắm, vì chữ ấy trong bản của tôi bị rách, chỉ còn lại một vài nét thôi. Chiêu-văn-đường không nói rõ ở tỉnh nào ; phải chăng ở Hà-nội ? Trang thứ hai, mở đầu là bài thơ của cụ Hoa-đường Phạm quý Thích đề vịnh truyện Kiều.

Hết bài thơ đó thì bắt đầu vào truyện.

Từ trang thứ hai trở xuống, mỗi trang có 10 dòng, mỗi dòng có 24 chữ, trừ những dòng in thơ không kể. Toàn quyển cả thảy có 62 trang.

Hình thức thì thế. Còn nội-dung ? Sách này dịch-giả không dịch theo tỷ-mỷ từng câu trong truyện Kiều, mà chỉ dịch ước lược lấy ý bằng một ngòi bút có văn vẻ. Rất có nhiều chỗ khả thủ, chẳng hạn như :

« *Trọng hoàn chi thư đường, cơ hoa, khát nguyệt, sầu tự bách ban, tích lục, tham hồng, u hoài vạn lũ, thán viết : nhất nhật bất kiến như tam thu hề !* »

Nghĩa là :

Trọng về đến phòng sách, đói hoa, khát nguyệt, sầu tự trăm bề, tiếc lục, tham hồng, u-hoài muôn mối, than rằng : « Một ngày chẳng thấy khác nào ba thu ! »

Đó là dịch bởi những câu sau này của cụ Nguyễn Du :

Chàng Kim từ lại thư song,
Nỗi nàng canh cánh bên lòng biếng khuây.
Sầu đong càng lắc càng đầy,
Ba thu dồn lại một ngày dài ghê.

Dịch rất sát nghĩa thì như mấy câu này :

« *Vân trung nguyệt lạc, hải thượng hoa sinh ; liên tai ! liên tai ! y-nhân hữu nhất đại tài hoa, phản vi phồn hoa sở lụy* ».

Nghĩa là :

Trong mây trăng rụng, trên bể hoa sinh ; thương thay ! thương thay ! người ấy có một đời tài hoa, mà lại bị phồn hoa làm lụy !

Đó là dịch ra bởi những câu :

Than ôi, sắc nước hương giời !
Tiếc cho đâu bỗng lạc loài đến đây !
Giá đành trong nguyệt trên mây,
Hoa sao hoa khéo đọa đầy mấy hoa !

Trong bản dịch, dịch-giả còn tự đặt thêm vào nhiều bài thơ ca, như thơ khi Kiều thăm mả Đạm-Tiên, vạch da cây vịnh bốn câu ba vần, thơ đoạn-trường 10 bài, thơ đề vào bức tranh tùng, thơ than thở trong những bước đường lưu lạc của Kiều, cùng là thơ của cha mẹ anh em Kiều và Kim-lang khóc thương kẻ chân sóng rễ bèo, lênh-đênh trôi nổi. Những thơ ca này, kể về giá-trị văn-chương, cũng tầm-thường vậy ; nhưng về phần từ ý thì rất thống thiết, nhiều câu tả vẽ được tâm-sự và cảnh-ngộ của nàng Kiều :

VIẾNG MẢ ĐẠM-TIÊN

Toàn hạ giai-nhân tri đã vô ?
Hồng-nhân thùy thị cánh vô phu ?
Lạc nhạn, trầm ngư mê khách tứ,
Thê phong, lương nguyệt xúc nhân sầu !

Nghĩa : Người đẹp dưới suối vàng có biết không ? Khách hồng-nhan đó là ai mà lại không chồng ! Khi xưa cái nhan-sắc nhạn sa cá lặn làm mê lòng khách, vậy mà nay để một nấm mồ lạnh lẽo, khêu gợi mối sầu cho người ta.

ĐOẠN TRƯỜNG

« *Bạch thỏ tần tần thôi bạch phát !*
Hồng quân cảnh cảnh oán hồng quần !
Cổ kim duyệt tận tài hoa khách,
Đới đắc phồn hoa lụy thử thân.

Nghĩa : Con thỏ trắng (trỏ mặt

Xem tiếp ở trang sau

giăng, ý nói ngày tháng) lần lần giục cho tóc trắng ; cái lò đỏ (ý nói Tạo-hóa) khắt khe ghen khách quần đỏ (con gái nhà phong lưu) Xưa nay trải xem những khách tài hoa, hễ đeo cái phồn hoa tức là đeo lụy vào mình).

Hoa khai thu dạ, hoa dung sấu ;
Nguyệt lãng đông thiên, nguyệt ảnh hàn.
Hoa, nguyệt hoàn vi hoa, nguyệt lụy.
Hoa tàn, nguyệt khuyết kỷ khai nhan.

Nghĩa : Hoa nở đêm thu, dáng hoa gầy vỏ ; nguyệt soi trời đông, bóng nguyệt lạnh lùng. Hoa nguyệt lại làm lụy cho hoa nguyệt Hoa tàn, nguyệt khuyết, mấy lúc mở mặt tươi vui !

KIỀU SẮP ĐI BÁN MÌNH, NHỚ KIM-TRỌNG

« Kim-lang hề, Kim lang !
Vân khứ hề, lang biệt thiếp,
Vân quy hề, thiếp tư lang.
Kim lang hề, Kim lang !
Quân vị thiếp nhi trì trì ký túc,
Thiếp vị quân nhi đoạn đoạn dương tràng.
Kim-lang hề, Kim-lang !
Quân, giang sơn vạn lý ;
Thiếp, gia-sự đa mang.
Kim lang hề, Kim lang !
Quân vị thân nhi phản hồi cố quận ;
Thiếp vị thân nhi lưu lạc tha-hương.
Kim-lang hề, Kim-lang !
Quân ước thiếp vi loan phượng.
Thiếp dữ quân vi sâm thương.
Kim lang hề, Kim lang ! »

NGHĨA :

Kim lang chừ, Kim lang !
Mây đi chừ, chàng biệt thiếp ;
Mây về chừ, thiếp nhớ chàng.
Kim lang chừ, Kim lang !
Chàng vì thiếp mà trùng trình vó ngựa ;
Thiếp vì chàng mà đứt nát gan vàng!
Kim-lang chừ, Kim-lang !
Chàng, nước non xa cách ;
Thiếp, việc nhà ngổn ngang.
Kim-lang chừ, Kim-lang !
Chàng vì chủ mà trở về cố-quận ;
Thiếp vì cha mà lưu lạc tha-hương.
Kim-lang chừ, Kim-lang !
Chàng hẹn thiếp làm chim loan, chim phượng ;
Thiếp với chàng thành sao sâm, sao thương.
Kim lang chừ, Kim lang !

KIM - TRỌNG VIẾNG KIỀU Ở SÔNG TIỀN - ĐƯỜNG

« Ngũ dạ mộng hồn vô bất đáo,
Khả liên mộng bất đáo Tiền-đường.
Liêu-tây lưu đắc Tiền-đường thủy,
Nhất ẩm linh nhân nhất đoạn trường.

Nghĩa là : Bao nhiêu đêm chiêm bao đâu cũng đến cả, đáng buồn là lại không chiêm bao đến sông Tiền-đường. Giá nước sông Tiền - đường mà chảy đến được Liêu Tây (quê Kim Trọng), sẽ khiến ta mỗi lần uống là một lần đứt ruột.

●

Chắc hẳn người dịch truyện « Kiều » ra thành bản « Kim Vân Kiều Lục » không từng đọc cuốn « Vương-Thúy-Kiều truyện » của Thanh-Tâm Tài-nhân (1). Chừng thấy truyện « Kiều » của cụ Nguyễn Du, truyện cảm, văn hay, nên nhà văn ẩn danh ấy đem dịch ra chữ Hán cho nhiều người đương-thời tiện đọc, vì thủa ấy chữ Hán đương thịnh. Và, hình như dịch giả cũng muốn mượn truyện để ký-thác cái văn phong hoa tuyết nguyệt của mình. Chứ nếu đã được đọc bản truyện của Thanh-Tâm tài-nhân thì dịch-giả, tôi chắc, tất không làm cái công việc thừa ấy nữa. Vì Nguyễn Du đã đem câu chuyện trong Hán-văn viết thành Việt-văn, mình lại đem bản Việt-văn ấy dịch ra Hán-văn, há chẳng là một việc loanh quanh lần quần ?

Xem kỹ đầu và cuối sách, không thay ghi tên nhà văn nào đã làm ra quyển « Kim Vân Kiều Lục » này. Sự đó không lạ gì. Vì các nhà nho ta xưa, đối với những sách như quyển này, chỉ coi là thứ văn trò chơi, là hạng sách đạo tình, không có giá-trị gì. Vì thế người làm ra chỉ cốt được thỏa cái hứng thú của mình, chứ không muốn hoặc không dám đứng tên trên quyển sách đó.

Đối với quyển « Kim Vân Kiều Lục », một văn phẩm khá của người xưa để lại đáng đọc và đáng giữ gìn này, chúng ta ngày nay, nên trịnh trọng đặt nó vào trong kho chứa những cổ thư và, nếu có thể, cũng nên tra tìm cho biết ai là soạn-giả.

TRÚC-KHÊ

(1) *Một kỳ sau, Tri-Tân sẽ có bài nói đến quyển sách này.*

Phòng thăm bệnh của

BÁC - SĨ

Nguyễn-hữu-Phiêm

Chef de clinique des maladies cutanées et Syphilitiques à l'École de Médecine

Chữa các bệnh — Chuyên chữa các bệnh ngoài da, và bệnh đàn bà — Có phòng thí-nghiệm thử vi-trùng.

Buổi sáng : 11 giờ đến 12 giờ — Buổi chiều : từ 3 giờ đến 7 giờ

22, Rue des Pottiers (trước cửa đền hàng Trống)

TÉL. N° 15.38

VẤN-ĐỀ THÁI-BÌNH-DƯƠNG

Lực-lượng hải, không-quân Nhật, Mỹ

Nguyễn-Huyền-Tĩnh

NHẬT sẽ dự chiến, nếu một mai Hoa-Kỳ đánh Đức. San lời tuyên-bố ấy của Ngoại-tướng Tùng-Cương, vấn-đề Thái-Bình-Dương bỗng trở nên quan trọng ! Nào ai dám chắc một cuộc chiến-tranh Mỹ Nhật không thể xảy ra ?

Vì hai nước không giáp nhau trên cõi đất liền, ta sẽ không thấy những trận huyết chiến trên đại-lục, hàng nghìn đại bác yểm-hộ cho hàng vạn bộ-binh tiến sau hàng trăm chiến xa nặng nhẹ. Trái lại ta phải kinh-hoàng, vì những trận đánh phá các căn cứ binh-bị, các đô-thành thị-trấn bằng từng lớp phi-cơ và, trên bể khơi, các đoàn chiến-hạm súng ống tua tủa, vững trãi như tòa thành sẽ « chào » nhau trong những cơn bão thép.

Trước khi bàn về cuộc chiến nếu xảy giữa hai cường quốc ấy, ta hãy xét qua lực-lượng HẢI-QUÂN và KHÔNG-QUÂN của đôi bên, vì cuộc thắng bại sau này sẽ định đoạt trên không và dưới nước.

Về thủy-quân, hạm-đội chiến-đấu (escadre de bataille) của Hoa-kỳ gồm có 21 thiết-giáp-hạm (cuirassés) trọng tải 679 100 tấn, mang đại-bác 406 li và 356 li. Nhật-Bản có 12 thiết-giáp-hạm, 4 tuần-dương chiến-đấu-hạm (croiseurs de bataille) trọng tải 505.400 tấn, cũng mang đại-bác 356 và 406 li.

Kiểm duyệt bỏ

Hạm đội Nhật gồm có các chiến-đấu-hạm cùng kiểu, cùng tốc-lực, nên có thể là một hạm-đội đều (homogène), dễ điều-khiển và là một sức mạnh đáng sợ ! Nhất là, sau khi tố-cáo hiệp-ước WASHINGTON, Nhật đã hạ thủy những chiến-hạm khổng-lồ trọng-tải 40 000 tấn và mang đại-bác nòng 456 li.

Song, hai hạm-đội chiến-đấu ấy sẽ ít có dịp giáp trận. Hai nước sẽ tìm cách giữ cho hạm-đội mình được nguyên vẹn, sẽ cố để dành cái lực lượng phá-hoại ghê gớm ấy đến phút cuối-cùng, vì lập một hạm-đoàn không phải là không tốn công, của. Một chiếc thiết-giáp-hạm giá hơn một nghìn triệu, và từ khi hạ thủy đến lúc bắn được phát súng đầu tiên đằng đẵng hàng mấy năm giời !

Vậy thì, trong cuộc chiến-tranh sau này, hai hạng tàu đắc-dụng sẽ là hàng-không mẫu-hạm (porte-avions) và tuần-dương-hạm (croiseurs) Hàng-không mẫu-hạm mang tàu bay đánh phá các nơi căn-cứ, hạm-đội bên địch ; còn tuần-dương-hạm thì chẹn các lối giao-thông, cắt các đường vận tải, nay ẩn, mai hiện, bắn phá các bến tầu, các kho dầu mỡ, hoặc dùng đại bác che cho các bộ đội thủy quân đổ bộ lên các địa-đầu hiểm-yếu.

Mỹ có 6 chiếc hàng-không mẫu-hạm (135 000 tấn) trong số đó có 2 chiếc LEXINGTON và SARATOGA to nhất thế giới, mỗi chiếc có thể mang tới 80 phi-cơ trận.

Nhật có 8 chiếc (112 000 tấn), mỗi chiếc mang từ 30 đến 60 phi-cơ.

Quan-niệm về hàng-không mẫu-hạm của Nhật và của Mỹ khác hẳn nhau : Mỹ thì chuyên đóng những chiếc khổng-lồ mang rất nhiều phi-cơ. Trái lại, sau khi dùng hai chiếc KAGA và AKAGI, Nhật toàn đóng một loạt hàng-không mẫu-hạm nhỏ (hạng HIRYU, SORYU) chỉ chở có độ ba bốn chục phi-cơ. Có lẽ Nhật cho rằng những phi-cơ mẫu-hạm quá to sẽ bất lợi cho sự dụng binh, vì những tòa thành đồ-sộ ấy sẽ là một cái đích dễ ngắm cho không-lôi và đại-bác.

Về tuần-dương-hạm hạng nhất, nghĩa là trọng tải 10 000 tấn và mang đại-bác 203 li, Mỹ có 18 chiếc trọng-tải 175.000 tấn ; Nhật có 12 chiếc trọng-tải 107.800 tấn.

Vả, gần đây, Mỹ rất quan tâm khi thấy Nhật bí-mật hạ thủy những chiếc tuần-dương-hạm trọng tải từ 12 000 đến 15 000 tấn và mang tới 6 hay tám đại bác 305 li.

Kiểm duyệt bỏ

Về tuần-dương-hạm hạng nhì mang đại-bác 152 li, đối với 23 chiếc trọng-tải 184 500 tấn của Mỹ, Nhật có 25 chiếc trọng-tải 137.165 tấn,

Cũng nên nhắc qua Nhật đóng chiếc MOGAMI trọng-tải hơn 8 nghìn tấn mà mang tới 15 khẩu đại-bác 152 li đặt thành 5 pháo-đài (3 đằng mũi, 2 đằng lái), tưởng rằng nước khác không sao theo kịp !

Thấy thế, Mỹ hạ thủy ngay chiếc SAVANNAH cũng cùng mang đại bác 152 li nhưng chỉ có 12 khẩu.

Khi chiếc Mogami đem chạy thử và bắn tập, người ta nhận thấy còn nhiều khuyết-điểm. Các tay chuyên-môn thủy-quân nhận rằng tàu không thể chở quá « tham » được, nên đành bỏ một pháo-đài mang ba đại-bác ở đằng mũi đi cho đỡ chòng-trành.

Bởi thế, hiện nay các chiến-hạm như PSOUTHAMPTON của Anh, SAVANNAH của Mỹ và MOGAMI của Nhật có một sức chiến-đấu ngang nhau vì đều mang 12 đại-bác như nhau cả.

Về hạm-đội nhẹ (escadre légère), Nhật có 127 khu-trục-hạm trọng-tải 162.196 tấn, 70 tàu ngầm trọng-tải 95.869 tấn đối với 187 khu-trục-hạm trọng-tải 257.270 tấn và 80 tàu ngầm trọng-tải 95 000 tấn của HOA-KỲ.

Kiêm duyệt bỏ

Sau khi đã xét qua các chiến-hạm của hai nước Nhật, Mỹ rồi, nay, ta cũng nên bàn sơ đến các võ quan và thủy-thủ hai nước ấy.

Thủy-binh Nhật ? Được đào-luyện thành-thục, họ đều là những tay rất thiện-chiến về đủ mọi phương-diện như điều-khiển đại bác, bắn cao xạ, phóng ngư-lôi.

Còn thủy-quân Mỹ ? Ta cũng nên công-nhận rằng, sau bao năm thao-luyện, thủy thủ và sĩ-quan Hoa-Kỳ rất xứng-đáng với trọng trách họ và, trên mặt Thái-Bình-Dương, thủy-đoàn HỢP-CHÚNG-QUỐC vẫn bình tĩnh đợi thời cục và không lúc nào sẵn-sàng bằng lúc này.

Sau các chiến-hạm, phi-cơ sẽ dự một phần lớn trong cuộc chiến-tranh này và những việc xảy bên trời Âu đã đem cho ta một kinh-nghiệm : Có một đội không-quân mạnh tức là nắm một phần thắng trong tay.

. Hiện thời hai nước đều giữ bí-mật về lực-lượng không-quân, nên ta chỉ có thể hạ một con số phỏng chừng.

Căn cứ vào số phi-cơ có trong năm 1939, và số các phi-cơ xuất sản thì số phi-cơ Hoa-Kỳ độ trên 7 nghìn, và không quá 8 nghìn ; còn Nhật-Bản có một đội không-quân ước chừng 6 nghìn chiếc máy bay. Các con số đó có thể mỗi lúc một thay đổi và trong số ấy kể cả các phi cơ kiểu cũ vẫn còn dùng để các hoa-tiêu luyện-tập.

Mỹ có thể giữ cho tỉ-số chênh-lệch trong một thời-kỳ khá lâu, vì tại nước đó các sưởng làm máy bay rất nhiều. Không những tự cung-cấp đủ máy bay dùng, Mỹ lại còn đưa sang Anh và, mấy tuần gần đây, ta đã thấy những con chim sắt khổng-lồ bốn máy Douglas hoặc Consolidated bay trên các thị-chấn Đức để reo sự tàn-phá khủng-khiếp.

Về phần Nhật-Bản, mặc dầu Chính-Phủ cố ý chấn trỉnh kỹ-nghệ làm phi-cơ, mặc dầu các sưởng MITSUBISHI hoặc KAWANISHI đã từng tạo ra nhiều kiểu máy bay ném bom hoặc chiến-đấu, nhưng kỹ-nghệ máy bay bên Phù-tang vẫn còn gặp phải trở-lực vì thiếu nguyên-liệu và thợ chuyên-môn. Số máy bay do các sưởng Nhật chế ra không đủ cho nhà binh dùng, nên phải mua thêm ở ngoại-quốc. Trong các hàng-ngũ phi đội Nhật, thường thấy : nào máy «DOUGLAS» của Mỹ, «SAVOIA» của Ý, «JUNKER» của Đức.

Những máy bay của Nhật chế lấy thường rập mẫu và xin «licence» ngoại-quốc. Như chiếc MITSUBISHI ném bom, 2 động-cơ là kiểu Douglas sửa đổi đi nhiều ít và thủy-phi-cơ Kawanishi là bắt chước kiểu «SHORT» của thủy quân Anh.

Những máy để lắp vào thân tàu Nhật cũng thường mua ở ngoại quốc, nhiều nhất là ở Mỹ. Một vài kiểu động-cơ do Nhật chế ra như kiểu KINSEI, KOTOBUKI, là phỏng theo các máy Âu Mỹ (Rolls Royces, Lorraine, Hispanosuiza, Wright)

Vì còn phải mua thêm ở ngoài mới đủ dùng, nên một khi có việc can-qua, Nhật sẽ gặp nhiều sự khó khăn vì các sưởng máy trong nước không thể chốc lát bịt được những lỗ trống trong hàng-ngũ một phi-đoàn bị thiệt bởi phi-cơ khu-trục hoặc súng cao sạ của bên địch. Nhất là khi ấy, các khu kỹ-nghệ lại thường bị phi-cơ địch đến « thăm » luôn.

Về phi-công, Nhật cũng thấy hơi ít người hơn Mỹ.

Bên Mỹ, vấn đề « bay » đã sôi nổi hàng mấy mươi năm trời nay, nên số phi-công rất nhiều.

Còn bên Nhật ? Vì vấn đề đó mới được săn-sóc từ vài năm

Xem tiếp trang 10

nay, nên số phi-công có lẽ không nhiều hơn Hoa-Kỳ được. Vẫn biết sĩ-quan, binh-lính đội phi quân Nhật bản đều can-đảm gan dạ, nhưng thế cũng chưa đủ.

Xong một chiếc tàu bay, chỉ cần 24 giờ ; thành một người hoa-tiêu lành nghề, ít ra phải 24 tháng.

Bảo rằng cuộc chiến-tranh Trung-Nhật đã đem lại cho các phi-hành gia Nhật một ít kinh nghiệm, cũng có lẽ ; nhưng chẳng được là bao, vì các phi công Nhật thật dễ tung hoành trên một nước thiếu cả tàu bay lẫn cao-xạ.

Rồi đây trong cuộc tranh hùng các phi-công Phù-tang sẽ gặp được địch thủ xứng đáng, đủ can đảm, đủ nghệ-thuật. Ta nên nhớ rằng chính một phi-công Mỹ khởi xướng lên cách ném bom bổ nhào (bombardement en piqué) khiến cho bom trúng các đích khó nhằm như một nơi hành doanh hoặc một chiếc chiến-hạm.

Vì bãi chiến trường đi từ bờ bể Californie đến ven châu Á, nên các phi-cơ phần nhiều sẽ do các hàng-không mẫu-hạm mang đi và một phần lớn thủy phi cơ phòng bờ bể sẽ dự vào cuộc xung-đột.

Nay thử giả-định bùng lửa chiến-tranh Nhật-Mỹ :

Thoạt kỳ thủy, các phi cơ Mỹ sẽ cất cánh từ những nơi căn-cứ rải rác ở Thái-Bình-Dương bay thẳng tới quần đảo Phù-tang, trút bom xuống những nhà máy, nhà ga sưởng đóng tàu. Các kho chứa dầu, các trại quân, các trường bay trên đất Nhật sẽ lần lượt bị đánh phá. Cùng lúc ấy các máy bay Hoa-kỳ bất ý đánh các đoàn chiến-hạm địch đang điều động hoặc đậu trong các quân-cảng.

Về phần Nhật, các máy bay sẽ bay từng lớp liệng bom xuống thủy-đoàn Mỹ, xuống các đảo Phi-luật-Tân, Guam, Hawaï, và sẽ giúp sức cho hải-quân Nhật trong những cuộc đổ bộ.

Chiến-tranh bằng phi-cơ sẽ vô cùng kịch-liệt. Kết quả sẽ tàn khốc cho cả hai bên,

Gần đây, Mỹ chế-tạo ra những kiểu phi-cơ khổng-lồ mang hàng mấy tấn bom và có thể bay một mạch xa mấy mươi nghìn dặm, thành [ra] không một thị-trấn Phù-Tang nào mà phi-cơ Mỹ không thể đến « thăm » được. Mặc dầu phòng-thủ rất chu-đáo, phi-cơ Hoa-kỳ thế nào cũng vào lọt được ít nhiều mà hễ vào được thì tất có nạn nhà đổ người chết sau những trái bom động địa kinh thiên.

Nhưng, nếu chỉ có những trận thủy-chiến, những cuộc không-chiến thì chiến-tranh có thể kéo dài mà khó phân thắng phụ ; rút cục bên nào cũng thiệt hại cả.

Nay ta phải xét đến phần « gân cốt » và « huyết mạch » của chiến-tranh :

Phá thăng-bằng, làm lệch cán cân, sẽ là hai thứ mà từ năm 1914 đến nay ai cũng công nhận : *vàng* và *dầu hỏa*.

Trong thời-kỳ chiến-tranh, nhờ có vàng trong kho, một nước mới có thể sắm được nhiều chiến cụ mới, chữa được các súng ống bị hư-hại. Vì Hoa Kỳ giầu nhất thế-giới, nên không lo mấy về vấn-đề hết súng đạn, tàu bay, tàu chiến. Nhật Bản có thể ra tay đánh phá Đắm một chiếc tàu, rơi một chiếc máy bay, Mỹ lại có thể đóng thêm được ngay 2 chiếc tàu chiến hoặc 20 chiếc máy bay khác. Nhật-Bản không thể hòng làm Mỹ thua bằng cách phá hoại hoặc phong-tỏa được.

Kiểm duyệt bỏ

Dầu hỏa ? Hoa-Kỳ được cái lợi rằng trong tay có một phần lớn dầu hỏa trên hoàn cầu và cái kho vô-tận đó sẽ thừa dùng cho cả hải, lục, không quân cho đến lúc hết chiến-tranh.

Nhật-bản thì lại phải mua dầu ở ngoại quốc. Dù chính phủ Nhật cố tích trữ dầu hỏa để phòng lúc can qua, nhưng số dầu đó chưa chắc đã đủ cung cấp cho các phi-cơ bay rầm rập suốt ngày, cho các chiến hạm lênh đênh hàng mấy tháng giời trên biển cả.

Nhật thiếu hai vật cốt-yếu nhất trong cuộc tranh hùng với HỢP-CHÚNG-QUỐC, nên Nhật cần phải có một chiến-lược quả-quyết nếu, một ngày kia, vì quyền lợi, Nhật phải vật lộn với Hoa-Kỳ. Muốn che chỗ nhược điểm của mình, Nhật sẽ buộc phải nhanh tay chiếm hết các nơi căn cứ quan trọng trong Thái-Bình-Dương : giựt Nam Dương quần đảo để chiếm lấy dầu hỏa ; hạ Phi luật Tân, Guam, Hawaï để dùng làm chiếc mộc chống-đỡ.

Kiểm duyệt bỏ

Vấn-đề Thái-Bình-Dương gần đây dầu đáng chú ý lắm thật, nhưng ta cũng chớ nên bi quan mà tin rằng sẽ có một cuộc binh-đao giữa hai nước Mỹ Nhật. Vì Mỹ ham buôn bán, làm giầu hơn đánh nhau và Nhật hiện thời cũng chỉ cần Mỹ đừng can-thiệp vào việc Trung-Hoa,

Kiểm duyệt bỏ

Vả, trước giờ, chiến-tranh chỉ có thể xảy ra khi nào các nhà ngoại giao hết đường tiến thoái, bấy giờ mới đành phải « nói huyện » bằng đại-pác và súng liên-thanh.

Nguyễn-Huyền-Tĩnh

BÁO THIÊN

Tiếp theo trang 5

Năm 1886, quan Hà-ninh Tổng Đốc Nguyễn-hữu-Độ, vì thấy chùa ở gần đất của nhà Chung, mới theo ý muốn của đức Giám-mục Puginier, sung công chùa: còn đất thì cúng vào nhà Chung để xây nhà thờ (tức là Nhà thờ lớn Hà-nội bây giờ).

Kiểm duyệt bỏ

Tiên Đàm

Quốc hiệu nước ta

(Tiếp theo trang 4)

Việt là đất Quảng-đông, Quảng-tây.

Nhưng đó toàn là tên của Tầu đặt ra.

Tên của ta đặt lấy là những tên gì ?

Sử chép đời Hồng-bàng đặt là Văn-lang.

Thục An-dương vương (257-208 trước kỷ-nguyên) đổi làm Âu-lạc.

Lý Nam-đế (544-548) đặt là Vạn-xuân.

Đinh Tiên-Hoàng (968-979) đặt là Đại-Cồ-Việt.

Lý Thánh-Tôn (1054-1072) đặt là Đại-Việt.

Gia-long (1802-1819) nhất thống cả ba kỳ (Trung, Nam, Bắc) đặt là Việt-Nam.

Lúc đầu người Âu gọi Trung-kỳ và Nam-kỳ là Cochin-Chine (viết làm hai chữ): *Cochin* do chữ *Giao-chỉ* mà ra, người Tầu thì đọc là Kiao-tche, người Bồ-đào-nha đọc là Cauchi, người Mã-lai đọc là Kutchi. Ấn-độ cũng có tỉnh Kutchi, nên người Âu thêm chữ Chi-na, vị chi Cochin-Chine, nghĩa là Giao-chỉ ở phía Trung-hoa (xuất xứ ở tập kỷ-yếu của trường Bác-Cổ, quyển III) trang 299).

Sau người Pháp muốn phân-biệt rõ-ràng, gọi Trung-kỳ là Cochinchine, Nam-kỳ lục-tỉnh là Basse-Cochinchine (Basse là dưới), nhưng chưa gọn, nên đổi Trung-kỳ là An-nam, Nam-kỳ là Cochinchine, còn Bắc-kỳ thì gọi là Tonkin (do chữ Đông-kinh mà ra)

Khoảng năm Minh-mạng (1820-1840) quốc-hiệu cả ba kỳ đổi làm Đại-Nam. Những sách chữ Hán nói về nước ta từ hồi đó đều gọi là *Đại-Nam hội-điển, Đại-Nam liệt truyện, Đại-Nam thực-lục, v. v ..*

Đáng lẽ bộ *Việt-nam tự điển* của hội Khai-trí cũng nên đề là *Đại-Nam tự-điển*.

Tất có người bảo : « Làm gì mà tự cao, tự-đại thế ?»

Xin trả lời rằng : Quốc-hiệu « Đại-Nam » đặt ra chưa thấy đổi, thì việc gì tự ý mình lại đổi đi ? Dadĩ có người bắt chước người ngoại-quốc nói ; « nước An-nam », « người An-nam », thì sao ta lại không tự trọng mà giữ lấy cái quốc hiệu « Đại-Nam » sẵn có ? Đối với nước nhà, tự hạ quá chưa chắc đã là việc hay.

NG. V. TỐ

(1) Nguyên văn là : « Le roi qui règne maintenant a substitué le nom de Việt-nam à celui d'An-nam, et a fait défense de se servir de ce dernier nom ».

GIẤY MUA BÁO

(gửi về cho ông Nguyễn-Tường-Phượng, 349, phố Huế Hanoi)

Tôi ..... nghề .....

ở .....

nhận mua ..... báo TRI TÂN kể từ ngày

1er ..... hay 15 .....

Tôi gửi theo đây số tiền ..... bằng mandat số

..... để giả tiền báo.

ngày 1941

Ký tên :

VĂN-HỌC ÂU-TÂY

PHẦN-THƯỞNG VĂN-CHƯƠNG NOBEL

PHẦN thưởng Nobel ? Nhiều bạn hẳn đã nghe nói.

Nhưng chắc ít ai tò-mò tìm-tòi để biết phần thưởng ấy phân chia ra sao (*vì nó có phải chỉ riêng về văn-chương thôi đâu*) và những nhà văn nào trên thế-giới đã hân-hạnh chiếm được phần thưởng văn-chương Nobel từ trước đến nay.

Thực ra, muốn tìm tòi như vậy không phải là dễ. Chúng tôi để tâm về vấn-đề này từ lâu, mà chưa từng được đọc một bài khảo-cứu nào thật đầy đủ trong báo-chí Pháp văn !

Những tài-liệu dùng viết bài này, chúng tôi phải tra-cứu trong những tập Larousse Mensuel, trong tạp-chí Le Mois và trong tự-điển Larousse du 20e siècle.

Tạp-chí Larousse Mensuel năm 1923 có bảng danh sách những người được phần thưởng Nobel từ đầu (*Nghĩa là từ năm 1901*) cho đến năm 1922.

Tự-điển Larousse du 20e siècle cũng có một bảng danh-sách từ đầu đến năm 1934.

Tạp-chí Le Mois năm 1936 lại có một bảng danh-sách nữa, từ đầu đến năm 1936

Cả ba bảng danh sách ấy chỉ kê tên những người được thưởng và cho biết họ là dân nước nào.

Muốn biết rõ thân thế và sự nghiệp của từng người, chúng tôi phải lục lọi trong các tập Larousse Mensuel từ số đầu (*nghĩa là từ năm 1907* và trong tạp chí Le Mois cũng từ số đầu *nghĩa là từ năm 1931.*

●

Cách đây mười năm, dưới tên ký Nguyễn tuấn Anh, chúng tôi đã viết một bài đăng trong Khoa-học tạp chí, thuật tiểu sử ông Nobel.

Lần này, chỉ xin tóm tắt rằng Alfred-Bernard NOBEL là một nhà hóa học và kỹ nghệ Thụy điển, sinh ở tỉnh Stockholm ngày 21 Octobre 1833, mất ở tỉnh San-Remo Ý ngày 10 Décembre 1896. Chính ông là người đã phát-minh ra cốt-mìn dynamite và nhiều chất hóa-học nguy hiểm khác. Khi đã trở nên triệu-phú, ông mới nghĩ cách dùng đồng tiền cho có ích. Ông xuất ra một nửa số tiền cần dùng cho đoàn thám-hiểm Andrée lên Bắc-cực.

Rồi, ngày 27 Novembre 1895, ở Paris, ông viết di-chúc để lại một cái gia-tài trị giá 43 triệu 500 ngàn phật-lăng ; hằng năm lấy số tiền lãi ra, chia đều làm năm phần, thưởng cho 5 người nào « trong năm vừa qua đã giúp ích cho nhân-loại nhiều hơn cả » :

1 Một phần tặng người nào đã phát-minh hay sáng chế cái gì quan trọng nhất về khoa vật-lý-học *physique.*

2· Một phần tặng người nào phát-minh cái gì quan-trọng nhất hay cải-tạo cái gì đích đáng nhất về khoa hóa-học *chimie;*

3· Một phần tặng người nào phát-minh cái gì quan-trọng nhất về khoa sinh-lý-học *physiologie* hay y-học *médecine*;

4· Một phần tặng nhà văn nào sáng-tác một văn-phẩm có giá-trị nhất trong địa-hạt lý-tưởng (*idéalisme*);

5· Sau cùng, một phần tặng người nào đã tận-lực làm cho các dân-tộc yêu-quý nhau, tận-lực vì chủ-nghĩa thế-giới hòa-bình.

Như vậy, hằng năm có tới năm phần-thưởng Nobel ; mỗi phần-thưởng trị-giá tới 159.850 couronnes, tính ra được độ từ 800 ngàn đến 1 triệu phật-lăng Pháp.

Riêng phần-thưởng về văn-chương thì do viện Hàn-lâm Thụy-điển cấp cho.

Dưới đây, xin kê danh-sách các nhà văn được phần-thưởng văn-chương Nobel từ 1901 đến 1939.

●

1901 : Sully Prudhomme *René-François-Armand*, thi-sĩ Pháp, có chân trong Viện Hàn lâm nước Pháp *sinh năm 1839, mất năm 1907.*

1902 : Mommsen *Teodor* người Đức, giáo-sư về sử-học ở trường đại-học Berlin, *sinh năm 1817, mất năm 1903.*

1903 : Bjoernson *Bjoernstjerne-Martinius*, thi-sĩ Na-uy, *sinh năm 1832, mất năm 1910.*

1904 : Mistral *Frédéric*, thi-sĩ Pháp, *sinh năm 1830, mất năm 1914.* Echegaray *José* văn-sĩ Tây-ban-nha, *sinh năm 1833, mất năm 1916.* Hai ông này chia nhau, mỗi người một nửa.

1905 : Sienkiewicz *Henrik*, văn-sĩ Ba-lan *sinh năm 1846, mất năm 1916.*

1906 : Carducci *Giosue*, thi-sĩ Ý, giáo sư trường đại-học Bologne, *sinh năm 1835, mất năm 1907.*

1907 : Kipling *Rudyard*, thi-sĩ và tiểu-thuyết-gia người Anh *sinh năm 1865 mất năm 1936.*

1908 : Eucken *Rodolf* người Đức, giáo-sư triết học ở Iena *sinh năm 1846, mất năm 1926.*

1909 Legerlœf *Selma*, nữ-sĩ Thụy-điển *sinh năm 1859, mất năm 1939.*

1910 Heyse *Poul*, văn-sĩ Đức *sinh năm 1830, mất năm 1914.*

1911 Maeterlinck *Maurice*. văn-sĩ Bỉ *sinh năm 1862.*

1912 Hauptmann *Gerhart*, văn-sĩ Đức *sinh năm 1862.*

1913 Tagore *Rabindrapath*, thi-sĩ Ấn-độ *sinh năm 1861.*

1914 Không ai được !

NHÂN-NGHĨA

(*còn một kỳ nữa*)

THẨM MỸ

Cuộc triển lãm của Hội Việt Nam Mỹ Thuật

HẰNG năm, các họa-sĩ tạm dừng ngòi bút, từ nơi xa la hay từ thôn trang, trở về tụ họp ở « quê - hương của Mỹ-thuật».

Năm nay nhiều nghệ-sĩ, đã làm cảm chúng ta bằng một tâm - hồn *riêng của họ. Mỗi người, chỉ một* chút màu sắc dưới bóng bình-minh hay trước cảnh chiều vàng, đã lưu luyến chúng ta trong phòng Triển-Lãm vừa mở. Ở đây họ chân-thành dẫn công-chúng đi sâu vào cõi thiên-nhiên giữa ánh sáng trong-trẻo của mùa xuân hay giữa cảnh nắng tưng-bừng mùa hạ

Cuộc họp mặt của các họa sĩ năm nay đem lại cho ta những cảm-giác nhẹ nhàng Các tác phẩm dung hòa vừa vặn với ánh sáng đã tôn lên một nhạc điệu êm ái, thanh-thanh.

Để tượng-trưng nhạc điệu đó, bức tranh sơn dầu của Tô-ngọc-Vân phô bày hai thiếu nữ diễm lệ, huy-hoàng. Đã từ lâu, họa-sĩ thiết tha với màu sắc tươi thắm. Hai màu cánh sen, vàng nhạt trong muốt như ngọc đặt trước một bức bình-phong xấm tả đủ được vẻ tươi trẻ, yêu sống của người trong tranh. chỉ vài đường cong của tà áo, vài ánh sáng quét trên mái tóc đậm đà, họa-sĩ tỏ được đủ ý-vị riêng của tâm hồn giản-dị mà phong phú.

Ngoảnh về bên trái, chúng ta hãy lặng ngắm một con đường quê xa vút với một chàng nhà quê tiến đến trước mặt. Đây là một lối riêng của Nguyễn - đỗ - Cung. Chúng ta đừng tìm để hiểu rõ họa-sĩ làm gì. Cũng như đứng trước tác-phẩm của Picasso (1), ta chỉ cảm thấy một linh hồn bất diệt muốn đi tìm một lý-tưởng cao-siêu. Ta thấy bâng khuâng và, có lẽ cũng như họa-sĩ, muốn thoát-ly cả vũ-trụ hiện tại để tìm một cõi đời vĩnh-viễn khác. Một con đường nắng chang chang với mấy cây đa xơ xác — có lẽ bụi đã bám nhiều và sắp rụng hết la — cả một hồn quê quện trong những màu xanh thực-thà của ruộng mạ hay của lũy tre xứ Bắc.

Trần-văn-Cẩn vẫn đứng-dắn lộng-lẫy như xưa. Một tấm sơn là trình bày như một tác-phẩm về điêu-khắc. Trước một căn nhà theo lối kiến-trúc cổ, mấy người đang ngồi thêu. Bên phải, hai thiếu-nữ lẹ làng lướt qua dưới bóng phù dung như phô diễn một vẻ đẹp quí báu.

Trái lại, Nguyễn-Khang đã xa cả tinh-cách Việt-nam để tả những tình cảm tây phương. Họa-sĩ đã hình dung một nghệ-thuật riêng để phô diễn những điệu ngây-thơ đáng kể.

Lương-xuân-Nhị vẫn như xưa xinh xắn, vẫn những màu xanh mát, màu nâu nhẹ, trong những bức lụa hay sơn dầu vẽ thiếu-nữ. Cũng như ở Nguyễn tường Lân, Nguyễn Huyến, Nguyễn đức Nùng hay Trần văn Thọ, ta vẫn cảm thấy trong họa-sĩ từ nét vẽ đến sự bố cục, một vẻ đẹp đã xem qua rồi.

Lưu văn Sìn đã thành công trong một cảnh bãi bể Sầm-sơn với những làn sóng bạc đang vờn quanh một chiếc mảng, với mấy đứa bé màu da sạm vì nắng bể.

Để làm thỏa mặt một số công-chúng ưa tìm tòi mới lạ, đã có những tác phẩm của Nguyễn văn Giáo hay của Nguyễn tiến Trinh.

Nguyễn-văn-Giáo đã thực thà đi tìm những cảnh hoang dại trong những dẫy núi hùng-vĩ ở Hòa-bình hay giản dị hơn, một buổi sáng bên hồ Gươm, một ít ánh nắng bên hồ Tây cũng làm cho họa-sĩ để ý tới.

Nguyễn tiến-Trinh tự-nhiên đi về nơi thôn-dã để tả một cảnh trọi gà với mấy cụ bô - lão chất phác hay một buổi chiều trước cổng làng. Họa sĩ thản nhiên đặt bút trên lụa với vài màu đặc biệt của đất nước nhà.

Cũng như nhiều họa - sĩ khác đã thành công, lắm họa-sĩ mới chịu khó tìm tòi để đi đến những khuynh-hướng riêng, mới mẻ hơn và lạ-lùng hơn.

Tiếc thay, nhiều nét bút tài tình đã ngừng lại trước những sự tìm-kiếm để nâng cao nghệ - thuật lên bực nữa ! Vì thế, một người bạn ngoại-quốc đã bảo tôi lúc ở phòng Triển-Lãm ra : « *Họa-sĩ ở đây ít người có khuynh-hướng để đào-luyện lấy một trường họa riêng ...* » Ta hãy lo lắng nhắc lại và vẫn bâng khuâng tiếc rằng lâu nay không được thưởng thức vẻ đẹp mơ-màng của Lê-Phổ, những nét công-trình của Thứ, của Lựu, hay những vẻ mặt «nhũn-nhặn» của Lê-văn Đệ, nhà họa-sĩ á-đông của thanh La-mã !

Ng. v. Tỵ

(1) *Một họa-sĩ trứ danh của phái cubisme, vẽ theo hình kỉ-hà-học.*

THANH NGHỊ
Tuần báo

Do một nhóm thanh niên chủ trương

Có hai phần

A. — Phần nghị luận, khảo cứu và văn chương (*mỗi tháng ra một số vào ngày 5*)

B. — Phần TRẺ EM (nhi đồng giáo dục) (*mỗi tháng ra ba số vào ngày 5, 15 và 25*)

Tòa báo : 65bis Boulevard Rollandes HANOI

Báo THANH NGHỊ phần A
Phần nghị luận, và khảo cứu

36 trang mỗi số Op.20
Số đầu ra ngày 5 Juin

Có những bài :

1. Muốn tránh sự sinh hoạt đắt đỏ *của Duy Tâm*
2. Vài điều cải cách trong gia đình giáo dục. *của Vũ dình Hòe*
3. Cách tổ chức thanh niên đoàn ở Pháp (*trước và sau chiến tranh*) *của Phan Quân*
4. Thanh niên với văn chương Việt-Nam : một vài tin tưởng về nghệ thuật. *của Đinh gia Trinh*
5. Mấy đạo sắc lệnh mới về luật thuê nhà *của D. X S.*
6. Một cái họa lớn cho nòi giống Việt Nam *của bác sĩ Đặng huy Lộc*
7. Vấn đề Nam Dương quần đảo *của XXX*
8. « Đứa con » truyện dài *của Đỗ đức Thu*
9. « Đứng trước một cái trại lửa » truyện ngắn *của Nguyễn Tuân*

và nhiều bài về du lịch, thời sự, văn chương và luật pháp.

GIÁ BÁO DÀI HẠN

Phần A Op.20 một số

Phần B TRẺ EM Op.12 một số

1p.00	2p.00	3p 90
3 tháng	*6 th.*	*12 th.*
	1p.10	2p.10

Cả hai phần

1p.50	3p.00	5p.80

Một ngày ở xứ Chàm

Tiếp theo trang 6

từng người một. Họ đổ rượu vào bình có cắm những ống trúc, rồi mọi người cùng ngồi quanh bình mút đều một lượt như kiểu người Mường dùng rượu cần.

Cảnh đời buồn tẻ của họ, có lẽ chỉ sau những bữa rượu chung bình ấy, mới có những lúc du-dương.

Mà uống rượu như thế, họ cũng chỉ nống cầm chừng, nên trong làng Chàm không mấy khi thấy diễn những trò : Vài ba anh chàng quá chén say mèm khoác tay nhau đi chân nam đá chân siên, hết gây chuyện với khách qua đường lại phá-phách các nhà cùng xóm.

Ngoai những buổi bình rượu chung cần, người Chàm còn cho những đêm ngồi than thở với trăng bằng một ống tiêu con là những đêm có thi-vị nhất.

Rồi ngày ấy qua ngày khác, họ mừng lúc trăng lên, buồn khi trăng lặn, không cần biết thế nào là một chiếc đồng hồ, thế nào là một cuốn lịch, chỉ lấy mặt trời chia ngày, mặt trăng chia tháng để sống một cuộc đời man-mác như cảnh man-mác một đêm trăng...

Tam - Lang

TIN TỨC

Quốc-tế

Một phần to nước Á, trước bị Ý chiếm-cứ, nay lại lọt vào tay quân Anh. Cựu hoàng-đế Hailé Sélassié đã trở lại Addis Abebas. Tổng-chỉ-huy Ý ở Á là quận-công Aoste đã ra hàng Anh với 18.000 quân.

Hoa-Kỳ chế gấp phi-cơ, những phi-cơ khổng-lồ và phi cơ đi nhanh 900 cây số một giờ, mỗi tháng gửi sang Anh 1500 chiếc.

Việc trao đổi hàng hóa cùng tiền bạc ở 2 miền bên Pháp nay được tự-do. Tù binh sắp được thải về.

Có tin Nga và Đức đã thỏa-thuận giúp Irak bài Anh.

Thổ lại ký hợp-ước thương-mại với Đức.

Có tin Phi-cơ Pháp giao chiến với phi-cơ Anh trên đất Syrie.

Sáng hôm 20-5-41 quân Đức (không thấy nói có quân Ý) thốt nhiên tấn công vào đảo Crête. ở giữa bể Địa-trung-hải, xa Hi-lạp chừng 200 cây số. Đức thả xuống đất Crête hơn một vạn quân nhảy dù, có đủ cả súng đạn, đại bác chiến xa hạng nhẹ.

Chính-phủ Hi-lạp lại dời sang Ai-cập.

Thổ vẫn dự-bị phòng-không.

Sứ thần Đức hội-đàm với ngoại tướng Tây.

Nga gọi quân trừ-bị.

Bên Mỹ, nay không thấy nói đến việc tuyệt ngoại giao giữa Mỹ-Pháp như trước đã đồn.

Từ trước đến nay Anh vẫn chỉ nói xin Mỹ giúp chiến-cụ, nay báo Anh lên tiếng yêu-cầu Mỹ dự-chiến. Anh dự-bị để kháng-chiến ở Ấn-độ nếu một khi bị thua ở Âu châu.

◆

Đông Dương

Hòa-ước Đông-dương Thái Lan đã ký, hôm 9 Mai 1941 hồi 10 giờ sáng.

Thương-ước giữa Đông-dương và Nhật đã công-bố.

Ngày 21 Mai 1941, Quân-pháp hội nghị lại đã kết hai án *tử-hình* :

Thành - văn - Tường (đội pháo-thủ) và Thạch-văn-Hiền (lính pháo-thủ). Cả hai sẽ bị xử bắn tại Lạng-Sơn.

Tiểu - thuyết lịch - sử

Tri-Tân sẽ đăng một truyện dài về lịch-sử rất lý-thú, rất ly-kỳ, rất linh-động dưới ngòi bút xuất-sắc của một nhà văn *chuyên-môn về lịch-sử tiểu-thuyết.*

Truyện đó là gì ? Người viết là ai ? Xin độc-giả đón coi

SỐ SAU

HỘP THƯ

Bạn Thọ-Xuân *Bến - tre.* — Đã tiếp thơ bạn. Bài du-ký của bạn, vì một cớ riêng, không ra lọt. Xin lượng thứ.

Bà Huỳnh-thị Bảo-Hòa *Tourane.*— Có nhận đặng thơ tôi không ? Xin trả lời cho biết. Nhớ cổ-động cho Tri-Tân. Cám ơn.

Ông Phan Khôi *Saigon.* — Xin tiên-sinh làm ơn hoặc gửi cho nguyên-văn hoặc cho biết số báo Nam-Phong đã đăng bức thư vua Quang - Trung phản - kháng nhà Thanh về việc bắt cống người vàng như ông Thạch Bỗ-Thiên đã nói trong báo « Sống-Hương ». Cám ơn trước. — H. B

TRINH DINH KINH
DIT
THÀNH ĐỨC
VERRERIE — LAMPISTERIE
Cốc thủy tinh nội hóa chịu nước nóng nước lạnh, rẻ tiền
65, RUE DES PANIERS
HANOI
Téléphone : 889
NHÀ CHẾ TẠO LÂU NĂM

TRUYỆN NGẮN

BUỒNG CHUỐI NGỰ NAM

của CA-HÔ

Đã hơn tháng nay, cứ lúc tà tà mặt trời gác sau rặng tre, anh Tuất lại khừ khừ lên cơn sốt. Anh cố nằm im cho đỡ mệt, nhưng cơn ho khù khụ lại như rút ruột, bào gan!

Ngoài sân, luồng gió lạnh buốt, rít lên những tiếng vo vo, lách qua khe phên nong-đôi, hun-hút thổi quanh chiếc chõng tre nhiều nan mọt luỗng.

Anh Tuất cố kéo chiếc chiếu cũ rách cho khỏi lạnh buốt hai bên thái dương, nhưng vì chiếu ngắn quá, được đầu, hở chân, anh phải nằm co như con tôm, rên-rỉ trong cái « tổ sâu » cuốn tròn tùm hụp.

Chị Tuất đi gặt lúa thuê vừa về, vội đặt bàn tay khẳng-khiu, nhăn-nhíu lên trán chồng, làm cho anh Tuất giật mình vì thấy rá lạnh!

Chị tiu-nghỉu hỏi :

— Thế nào, bố đĩ nó hôm nay thế nào? Đã khỏi chưa? Liệu mai kia có lên Hà-nội làm được không?

Thấy chồng thở dài, chị, với giọng buồn thiu, lầm-bầm :

— Tội nghiệp! Chẳng biết có qua khỏi được không? Nào biết động-trệ hay chếch-lệch về đâu bây giờ!

◆

Thằng Cu, bụng ỏng, mắt cam, mới ba tuổi đầu đã hom-hem như ông khọm-già, ở đâu rà rẫm đến bên chân giường thờ, mon-men mân mê một quả chuối ngự chín vàng nhất trong một buồng chuối còn ương.

Chị Tuất đang bực mình, thấy con rờ chuối, đâm cáu :

— Thằng khí gió kia! Đừng rờ vào đấy! Muốn sống, muốn tốt thì bước ngay đi!

Đã sầm tối, thằng Cu chưa được ăn cơm, bụng đói như cào. Muốn ăn chuối, lại bị u mắng, Cu thổn-thức, sụt-sùi...

Tiếng khóc của đứa con dở hòa với tiếng ho, tiếng rên của anh chồng ốm càng làm chị Tuất não lòng!

Cu lè-nhè :

— U ơi! . . . chuối?

— Chuối mấy chuội cái gì? chị Tuất gắt, dễ thường người ta mua về cho mày ăn đấy chắc?

Khóc chán mỏi mồm. Vừa đói, vừa mệt, Cu, nước mắt nhễ nhại, rử lèm bèm, mũi thò lò, nằm vật xuống nền đất, trước còn thút thít, sau dần thiêm-thiếp, song tay vẫn rờ vào buồng chuối dựng bên cái ngạch đất gần chân giường thờ.

◆

Đèn điện ngoài phố H. D. đã lấp-lánh dưới vòm cây xanh hai bên vệ đường.

Chị Tuất, tay phải lễ-mễ xách buồng chuối ngự nam, tay trái đeo cái nón than rách, từ tàu thủy mới lên, rụt-rè đứng trước chiếc cổng cánh sắt đóng im-ỉm, buông mắt len-lét qua lượt song thưa, đầu nhọn, sơn « ghi », nhìn vào trong biệt-thự ông Hàn Tiến.

Hồi lâu, mới thấy anh Bếp, lăng-săng qua lối trải cuội bên những bồn hoa viền cỏ tóc tiên, chị Tuất gọi giựt :

— Ông Bếp ơi! làm ơn mở cổng cho tôi *mấy*!

Một cánh cổng sắt hé mở. Chị Tuất cẩn-thận xách buồng chuối chín vàng, khép-nép theo anh Bếp, dè-dặt tiến vào trong nhà bà Hàn.

Ngồi trên chiếc sập gụ, bà Hàn, mặt phàm phạp, người béo tròn, đang nhai trầu bỏm-bẻm. Thấy chị Tuất cung-kính lạy chào, bà liền với lấy chiếc ống phóng bằng bạc, nhổ cốt trầu xong, the-thé :

— Gớm! ai bảo nhà mày quà *mấy* cáp! Chồng mày ốm *mấy* đau mãi! Bỏ về đến hàng tháng nay, làm tao mất bao tiền quà cho con mụ đưa người mà chẳng được thằng xe nào ra tuồng cả!

◆

Đứng bên giường chồng đã quá liệt sức vì mấy bữa nay ho ra nhiều huyết, chị Tuất phàn-nàn :

— Mất công toi! Ngoi-ngóp từ nhà lên tận Hà-nội, chực vay lấy răm đồng cho bố nó uống thuốc, thế mà không được! Mãi đến lúc sắp về, mới được bà ta thí cho ba hào!

Chiếp miệng, chị Tuất tiếp :

— Ba hào! Giá mình không vay thêm được răm hào nữa của chị Vết, là con nhà Già Hai nhà ta, đang làm cho hiệu Ích-Ký ở trên ấy, thì đến cung nhỡ độ đường mất thôi!

Kiểm duyệt bỏ

RUDOLF HESS

Một yếu-nhân đảng Quốc-xã Đức

CHẮC các bạn còn nhớ : Khi mới khởi cuộc Âu-chiến, Hitler, quốc-trưởng Đức, sau khi tuyên-bố quyết-liệt với Đồng-Minh, đã có nói trong một bài diễn-văn rất hùng-hồn : « Nếu chẳng may tôi chết vì một lẽ gì thì đã có Thống-chế Gœring thay tôi. Mà nếu Thống-chế Gœring gặp sự bất-trắc, sẽ có Rudolf Hess kế chân».

Xem thế thì biết Rudolf Hess, một nhân-vật thứ ba của nước Đại-Đức, một cánh tay của quốc-trưởng Hitler, có địa-vị rất quan-trọng ở Đức.

Sáu giờ chiều thứ bẩy 10 Mai 1941, Hess cưỡi một chiếc phi-cơ Messerschmidt cất cánh ở tỉnh Augsbourg, rồi nhẩy dù hạ xuống gần thành-phố Glasgow đất Anh. Hess bị thương nhẹ ở mắt cá và hiện đương điều-trị tại một bệnh-viện.

Trước khi muốn rõ nguyên-nhân việc này, tưởng cần phải biết qua tiểu-sử vị anh-hùng nước Đại-Đức ấy.

Rudolf Hess sinh ngày 26 Avril 1894 tại thành Alexandrie (Ai-Cập). Ông thân sinh vốn quê ở Wurmsiedel, làm nghề buôn bán, nên Rudolf Hess lúc nhỏ đã từng học thương-mại.

Hồi Âu-chiến 1914-1918, Hess cai-quản một đội quân công-kích, rồi sung vào không-quân. Khi chiến-tranh đã kết-liễu, Rudolf Hess chuyên học khoa địa-dư chính-trị, khảo-cứu các vấn-đề nhân-chủng ; năm 1919, có chân trong một hội khảo-cứu về dân-tộc.

Năm 1920, Hess nhập đảng Quốc-xã, dự vào đội quân chiến-đấu bảo-vệ Hitler trong khi đọc diễn-văn lịch-sử tại nhà bán rượu bia ở Hofbrau.

Ngày 9 Novembre 1923, đảng Quốc-xã cử-sự, Hess chỉ-huy một đội-quân học-sinh quốc-xã ở Munich.

Rudolf Hess không may bị chính-phủ quận Bavières bắt, cùng Hitler bị kết án 7 tháng rưỡi cấm-cố trong thành Langsberg.

Giúp việc Thống-Tướng Haushofer — một nhà khảo-cứu có đại-danh về khoa địa-dư chính-trị — trong ít lâu, đến năm 1925, Hess được cử làm bí-thư cho Hitler.

Năm 1932, Hess chủ-tịch ủy-ban Trung-ương chính-trị đảng Quốc-xã.

Đến tháng Avril 1933, Hitler lên cầm quyền, ủy cho Hess đại-diện vĩnh-viễn ở chân thủ-lĩnh. Từ năm ấy, Hess được liệt vào hàng Tổng-trưởng các bộ.

Cứ mỗi năm, trước ngày Noel, Hess gửi một bản thông-điệp cho kiều-dân Đức ở ngoại-quốc.

Hess rất có công trong việc tổ-chức đảng Quốc-xã ở ngoài nước Đức.

Nay nhất đán Rudolf Hess bỏ cái địa-vị tối cao ấy, từ biệt nước nhà, ra đi, khiến cho dư-luận hoàn-cầu phải một phen sôi-nổi !

Rudolf Hess vừa là cố-nhân, vừa là người cộng-tác vĩnh-viễn của Hitler, một yếu nhân vào hàng thứ ba của nước Đức, tự-nhiên trốn đi, còn ai có thể đoán nguyên-nhân ra sao, mục-đích thế nào nữa ?

Theo dư-luận Đức, sau khi được tin Hess đặt chân xuống đất Anh, người Đức tuyên-bố : Hess vẫn thường có bệnh loạn óc, nên khi bệnh này nổi lên, đã tự ý bỏ nước ra đi. Các giới phân vân, đều cho việc này do tấm lòng ái-quốc đã khiến lãnh-tụ đảng Quốc-xã thân-hành sang Anh để được hội-kiến với thủ-tướng Churchill, mong chóng kết liễu việc tranh-chiến.

Theo dư-luận Hoa-kỳ, Hess rất ác-cảm với Cộng-sản, nên không đồng ý với Hitler về việc ký hợp ước với Nga-Sô-Viết. Hình như từ khi Hitler ký hợp-ước ấy, Hess đã ra khỏi đảng Quốc-xã.

Vì bất-đồng-ý với Hitler, nên Hess bị ruồng bỏ giữa đảng Quốc-xã. Thấy Chính-phủ rất chú-trọng đến sức yếu của mình, Hess ngờ Hitler định mưu giam mình vào một bệnh-viện để chóng kết-liễu đời mình, nên đã vội vàng cho vợ lánh sang Thổ-Nhĩ-Kỳ, còn mình thoát thân sang nước khác.

Nhiều giới lại cho rằng Hess trốn sang Anh để tránh nhiều điều phiền-nhiễu của quốc-trưởng Đức từng bách mình phải theo.

Lại có người cho là Hess phản nước Đức, hay dùng kế phản-gián.

Dù sao ta có thể công-nhận là đảng Quốc-xã sẽ không khỏi xảy ra nhiều sự không hay.

Hess loạn óc ? Nước Anh sẽ không lỡ bỏ dịp mà không dùng đại danh của Hess để cổ-động việc ngoại-giao với các nước bạn.

Hess không loạn óc ? Tất nhiên Hess sẽ bị lợi-dụng giúp Anh trong việc chống nhau với Đức.

Hess phản gián ? Các nhà cầm quyền Anh đã nghĩ đến điều đó và hết sức đề phòng.

Hess phản-bội ? Nước Anh nhờ Hess cho biết nhiều điều bí-hiểm của binh-gia Đức, có thể đề phòng việc tấn-công của Đức ; do đó, việc Đức dự định xâm-lấn Anh sẽ bị thất-bại cũng chưa biết chừng.

Loạn óc hay không loạn óc, phản bội hay phản-gián, việc Rudolf Hess trốn sang Anh sẽ thay đổi cục-diện cuộc Âu chiến hiện-thời.

NHẬT-NHAM

CHEMISETTES - TRICOTS - SLIP - MAILLOT DE BAIN

ĐỦ CÁC KIỂU, CÁC MẦU
RẤT HỢP THỜI TRANG

Mua buôn, hỏi hãng dệt :

PHUC - LAI

87 - 89, ROUTE DE HUÉ. TÉLÉPHONE : N° 974

AU LION D'ARGENT
BIJOUTERIE

Vente en gros et en détail

56, Rue Jules Ferry
HANOI
Tél : 698

Lệ mua báo xin giả tiền trước, các bạn yêu TRI-TÂN mua giúp TRI-TÂN, khi gửi thư về mua nhớ kèm ngay ngân phiếu. Thư mua báo không kèm ngân phiếu chúng tôi xin phép không gửi báo và miễn trả lời.

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p 50 đồ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC « CAI HỒNG-KHÊ »

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được, mỗi ngày hút một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p.20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường, thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giây thép buộc ngang giời. Thuốc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ứng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p.60 cũng rứt nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : 75 Phố Hàng Bồ. *Chi nhánh* 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-LANG để phòng thân và trị bệnh.

THE YOKOHAMA SPECIE BANK, LTD.

FONDÉE EN 1880

CAPITAL ENTIEREMENT VERSE. Yen 100.000.000

FONDS DE RÉSERVE . . . . . Yen 143.400.000

Siège Social : YOKOHAMA (Japon)

Agence de Hanoi : 43 Rue Paul Bert

(Bureaux auxiliares à Saigon : 2 rue Pellerin)

Adresse télégraphique :
SHOKIN - HANOI

Téléphones :
1515 et 1516

SUCCURSALES et AGENCES

Alexandrie	Dairen	Kobé	Osaka	Shanghai
Bangkok	Feng-Tien	Londres	Otaru	Singapour
Batavia	Hamburg	Las Angeles	Paris	Sourabaya
Berlin	Hankéou	Manille	Pékin	Sydney
Bombay	Hong-kong	Moji	Rangoon	Tien-Tsin
Calcutta	Honolulu	Nagasaki	Rio de Janeiro	Tokio
Canton	Hsin-Kin	Nagoya	San-Francisco	Tsi-Nan
Chang-chia-Kou	Karachi	Nanking	Seattle	Tsing-Tao
Chefou	Kharbine	New-York	Semarang	Ying-Kou

CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES GRANDES VILLES COMMERCIALES DU MONDE

Comptes courants et de dépôts —
Envois de fonds — Lettres de crédit
et toutes opérations bancaires

S'adresser, pour tous renseignements, aux bureaux de la **Y. S. B. LTD.**

Imp. spéciale du Tri Tân — Administrateur - Gé[illegible] Dương-tự-Quán